



# TRUNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

ông lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

*Thiên thời, đó là xu thế toàn cầu hóa, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế;*  
*Địa lợi, đó là đất nước với vùng biển Đông - một không gian sinh tồn vô giá mà trời đất và tổ tiên đã dành cho dân tộc Việt Nam; và*

*Nhân hòa, đó là người lao động Việt Nam với tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh KH&CN và quyết tâm: "...Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới..." của Đảng.*

*Đây cũng là nền tảng để toàn thể dân tộc Việt Nam vững tin và mạnh bước trên con đường Chính, con đường của mùa xuân có ánh mặt trời chiếu rọi.*



# TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội



## LỜI MỞ ĐẦU

Mặc dù có nhiều nỗ lực và tăng trưởng kinh tế vượt kế hoạch, nhưng theo đánh giá chung của các tổ chức quốc tế thì so với các nước trong khu vực, hàng năm chỉ số cạnh tranh của Việt Nam lại đang giảm dần. Điều này có nghĩa là, theo cách nhìn từ bên ngoài, các nước khác còn phát triển nhanh hơn, bền vững hơn. Như vậy, rõ ràng, để vượt ra khỏi tình trạng tụt hậu, Việt Nam cần có sự đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, tức là vừa phải quyết tâm nâng cao các chỉ tiêu kinh tế lại vừa phải giữ gìn, xây dựng bản sắc văn hóa, bảo vệ sinh thái, môi trường. Trước tình hình này, Bộ Chính trị đã có chủ trương chiến lược quan trọng tập trung xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) tại ba miền Bắc, Trung, Nam với mục tiêu hàng đầu là *nhANH chóng phát triển lực lượng sản xuất nhằm tạo ra sự thay đổi tận gốc năng suất - hiệu quả của các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất*. Trên cơ sở đó sớm xây dựng nền kinh tế hàng hóa có tính cạnh tranh và tiếp theo, từ các thành tựu của các vùng KTTĐ, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội cả nước.

Thực hiện chủ trương và Nghị quyết của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 145, 146, 148/2004/QĐ - TTg ngày 13/8/2004 về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội các vùng KTTĐ, đặc biệt là Quyết định số 123/2006/QĐ -TTg ngày 22/5/2006 ban hành Chương trình hành động (CTHD) của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh cho các Vùng KTTĐ phía Nam và Vùng Đông Nam Bộ và Quyết định số 191/2006/QĐ -TTg ngày 17/8/2006 ban hành CTHD của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh cho Vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chủ trương và chính sách phát triển các vùng KTTĐ, cả về phương

diện thực tiễn và lý luận, đều là những sáng tạo to lớn tiếp tục thành tựu của 20 năm đổi mới. Thực hiện nhiệm vụ chiến lược này, khoa học và công nghệ (KH&CN) phải thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Muốn vậy, phải chuyển hướng ***tập trung phát triển công nghệ***. Với ý nghĩa này, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: “*Tập trung phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất, trong đó đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất*”, không những đã mở ra một trang mới trong tiến trình phát triển KH&CN mà còn là giải pháp chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để từ các cấp quản lý đến mỗi người dân đều có thể tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược này, trước hết về mặt lý luận và thực tiễn, cần ***tìm hiểu, làm rõ, thực hiện và phát triển*** các chủ trương, giải pháp chiến lược trong lĩnh vực KH&CN đã được khẳng định trong hai CTHĐ của Chính phủ. Thông qua báo cáo quy hoạch phát triển công nghệ trong ba vùng KTTĐ, tài liệu này trình bày với Lãnh đạo Tổ chức Điều phối các vùng KTTĐ, Lãnh đạo các Bộ, ngành, Lãnh đạo các tỉnh, thành trong vùng KTTĐ và các tổ chức kinh tế, khoa học về những kết quả bước đầu và quyết tâm đổi mới trong lĩnh vực KH&CN và kinh tế đất nước.

Xin cảm ơn các nhà quản lý, các chuyên gia và các nhà khoa học thuộc Ban Khoa giáo Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, tổ chức CNRS... đã nhiệt tình đóng góp ý kiến cho việc xây dựng tài liệu này.

**Tổ Điều phối Phát triển Khoa học và Công nghệ các vùng KTTĐ**  
**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**





**Phần I**  
**CHỦ TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG**  
**CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM**



## MỤC LỤC PHẦN I

<b>N</b> hu cầu cấp bách phải có bước đột phá trong phát triển kinh tế, công nghệ và khoa học	7
<b>C</b> ác Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam - Nơi tập trung các nguồn lực chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội, công nghệ và khoa học	9
<b>C</b> ác mặt trận kinh tế trong các vùng kinh tế trọng điểm	11
<b>B</b> an Chỉ đạo Điều phối phát triển các vùng KTTĐ - Cơ quan chỉ đạo phối hợp thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong các vùng KTTĐ	13

## Nhu cầu cấp bách phải có bước đột phá trong phát triển kinh tế, công nghệ và khoa học



*Khai mạc trong thể kỷ họp  
thứ 10, Quốc hội khóa XI  
(Ảnh báo tháng 10/2006)*

Trong thập niên 80, những người nông dân Việt Nam đã cùng những người lãnh đạo tiến bộ, dũng cảm mở ra và thực hiện thành công bước đột phá phát triển kinh tế vẫn quen được gọi là “Khoán 10”. Nhờ giải phóng sức sản xuất cho nên từ thiếu ăn Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo; và đặc biệt đã góp phần dẫn đến việc chuyển hướng chiến lược từ xây dựng nền “kinh tế bao cấp” sang “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Thành tựu mang tính cách mạng này đã trở thành mốc son nổi bật trên nền 20 năm liên tục đổi mới.

Giờ đây, Việt Nam lại đứng trước một thách thức ngày càng to lớn và cấp bách. Đó là phải sớm có một cuộc đột phá nữa trong phát triển kinh tế - xã hội, trên cơ sở *nhANH chóng phát triển lực lượng sản xuất*. Đây cũng là điều Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định trước Quốc hội khóa XI: “*Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn, bền vững hơn*”. Nếu không đất nước sẽ khó có cơ may hội nhập bình đẳng với thế giới, chứ chưa nghĩ đến: “*...sánh vai với các cường quốc năm châu...*”. (Đã có bài báo tính rằng, nếu cứ như hiện nay thì 197 năm nữa, may mắn GDP của Việt Nam mới bằng Singapore hiện tại).

Có thể thấy, việc phát huy lực lượng sản xuất dưới hình thức lao động giản đơn như trong kinh tế nông nghiệp ngày trước đã không còn ưu thế

## Phần I. CHỦ TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC ...

nữa. Ngày nay, từ cấp độ quốc gia đến ngay trong khuôn khổ mỗi tổ chức, để có những đổi mới kinh tế có tính cách mạng trước hết cần có cách nhìn mới về hai vấn đề quan trọng: *“Tập trung các nguồn lực ở đâu?”* và *“Làm thế nào để **nhANH chóng** phát triển lực lượng sản xuất?”*



Ảnh: Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt

*“ ... Tôi đánh giá cao sự nghiệp đổi mới của đất nước ta 20 năm qua. Nhưng chúng ta có thể bằng lòng với những kết quả đó hay chưa thì theo tôi là chưa”.*

*“ ... Thực tế cho thấy, ngay với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2006 - 2010 là khoảng hơn 8% (chưa kể chất lượng con số này) thì khoảng cách giữa Việt Nam và các nước trong khu vực sẽ xa dần. Vì thế, người dân đòi hỏi phải có một sự bứt phá mới. Muốn vậy, **phải có một cách nhìn mới với thế giới, với những cơ hội của đất nước và với tiềm năng con người Việt Nam...**” (Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt)*



Đất nông nghiệp bị thu hẹp



Tài nguyên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm



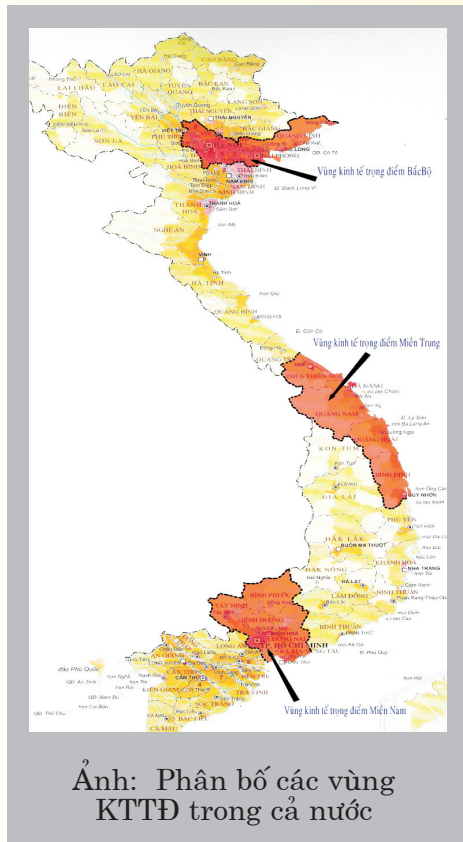
Lao động giản đơn và dư thừa



*“...Bên cạnh những thành tựu trên, còn bộc lộ một số hạn chế và nhược điểm. Đó là... Cơ cấu kinh tế chưa hiện đại và hài hòa giữa khối sản xuất và khối dịch vụ. Môi trường sống bị ô nhiễm, nhiều nơi rất trầm trọng và đã đến mức báo động.”*

*(Trích Báo cáo Hội nghị giao ban Ban Chỉ đạo vùng KTTĐ tháng 9/2006).*

**Các Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam  
Nơi tập trung các nguồn lực chiến lược cho phát triển kinh tế -  
xã hội, công nghệ và khoa học**



Thực hiện các Chủ trương chiến lược của Bộ Chính trị, ngày 13/8/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 145, 148, 146 /2004/QĐ-TTg về Phương hướng chủ yếu phát triển KT-XH các vùng KTTĐ. Trong đó quy định các vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam bao gồm 21 tỉnh, thành phố. Cụ thể như sau:

**Vùng KTTĐ Bắc Bộ bao gồm 8 tỉnh, thành phố:** Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hà Tây.

**Vùng KTTĐ miền Trung bao gồm 5 tỉnh, thành phố:** Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.

**Vùng KTTĐ phía Nam bao gồm 8 tỉnh, thành phố:** Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang.

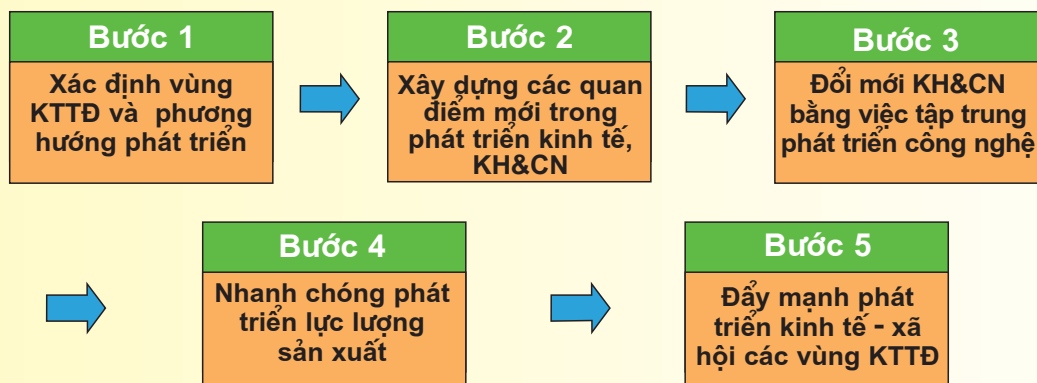
Căn cứ theo các nội dung nêu trên, diện tích ba vùng KTTĐ chiếm 22,3% diện tích cả nước; năm 2005, dân số là 34,6 triệu người, chiếm

## Phần I. CHỦ TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC ...

41,6% dân số cả nước; tốc độ tăng trưởng GDP là 11,7%, bằng 1,56 lần bình quân chung cả nước; xuất khẩu đạt 30 tỷ USD, chiếm 93,2% kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Theo quan điểm KH&CN phải là động lực cho phát triển kinh tế, *tiến trình phát triển đột phá kinh tế và KH&CN trong các vùng KTTĐ bao gồm năm bước*: *Bước đầu tiên* là xác định các vùng KTTĐ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và KH&CN. *Bước thứ hai* là xây dựng các quan điểm mới trong lĩnh vực phát triển kinh tế và KH&CN. *Bước thứ ba* là xây dựng mới và nâng cao tiềm lực KH&CN. Tức là, trước hết phải tập trung phát triển công nghệ, trong đó đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực công nghệ và hạ tầng kỹ thuật trực tiếp phục vụ công nghệ. *Bước thứ tư* là nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở phối hợp tiềm năng người lao động Việt Nam với sức mạnh KH&CN. *Bước thứ năm* là phát triển bền vững kinh tế - xã hội, công nghệ và khoa học các vùng KTTĐ trọng điểm trên cơ sở lớn mạnh của lực lượng sản xuất.

Trong thực tế, năm bước chiến lược này được tiến hành đồng thời và được mô tả trong sơ đồ dưới đây:





## Các mặt trận kinh tế trong các vùng kinh tế trọng điểm

Nếu ngày trước, chỉ người nông dân Việt Nam trên một mặt trận kinh tế nông nghiệp đã làm nên kỳ tích “Khoán 10”, thì ngày nay, đúng hai mươi năm sau, chính người lao động Việt Nam lại đang cùng những người lãnh đạo đổi mới, quyết tâm tạo lập sức mạnh KH&CN, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có tính cạnh tranh trên **ba mặt trận kinh tế mới, đan xen, liên hoàn**. Đó là: Kinh tế nông nghiệp - nông thôn, kinh tế đô thị và đặc biệt trên **“tiền tuyến lớn” kinh tế biển**.

Trong bối cảnh cả dân tộc quyết tâm bước vào toàn cầu hóa để sánh vai cùng thế giới, việc xác định kinh tế biển là mặt trận quyết định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội càng có ý nghĩa quan trọng, bởi vì ngày nay, phát triển kinh tế biển đang là xu thế toàn cầu, nhiều vấn đề của nhân loại như thiếu đất, thiếu nước, thiếu năng lượng,... đã, đang và sẽ được giải quyết nhờ biển. Với Việt Nam, khi thời khắc dân số vượt ngưỡng 100 triệu đã cận kề thì những vấn đề như vậy càng gia tăng áp lực mạnh mẽ và về lâu dài chỉ giải quyết được nếu khai thác và phát triển



*Các thành phố lớn đang cần nhiều nước; và nguồn nước cần thiết có thể tìm thấy ở biển.*

Ảnh: Thành phố Hồ Chí Minh về đêm và biển Nha Trang





*Vì nhu cầu cuộc sống, nhiều gia đình đã tự hình thành các xóm mới trên mặt biển duyên hải Việt Nam*

Ảnh: Các làng mới trên mặt nước ven biển



tốt vùng biển Đông. Điều này dễ thấy, vì trong bốn dạng tài nguyên quan trọng: Tài nguyên phi sinh học (dầu mỏ, năng lượng tái tạo...); Tài nguyên sinh học; Tài nguyên quỹ đất, quỹ mặt nước; Tài nguyên vị thế địa lý, thì dù mới khởi phá khai thác hai tài nguyên đầu nhưng vùng biển Đông đã có những đóng góp rất lớn cho phát triển kinh tế xã hội. Vì thế, **việc xác định vị trí các vùng KTTĐ liên thông với biển Đông** cùng với việc **đánh thức bốn tiềm năng biển** chắc chắn luôn có vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, khoa học của đất nước

Vùng tài nguyên lớn nhất của Việt Nam chính là vùng biển với hơn 3000 km bờ biển. Cũng như trong mặt trận kinh tế đô thị, mặt trận kinh tế biển cần được sự quản lý thống nhất về phương diện nhà nước với mục đích **quản lý đồng bộ, tổng thể** việc sử dụng, bảo vệ và chăm sóc tài nguyên cũng như các vấn đề khác liên quan đến biển. Để cơ quan quản lý có thể làm tốt các nhiệm vụ chiến lược này, cần xem xét để hình thành những tổ chức với đầy đủ quyền hạn và điều kiện thực hiện thuận lợi nhất.

## **Ban Chỉ đạo Điều phối phát triển các vùng KTTĐ - Cơ quan chỉ đạo phối hợp thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong các vùng KTTĐ**



*Là một nước “...Núi liền núi, sông liền sông, chung một biển Đông...” với Việt Nam và có vai trò ngày càng lớn trên trường quốc tế, Trung Quốc đang tập trung phát triển tư tưởng “Hai hài hòa” mà bản chất là thống nhất lợi ích quốc gia với lợi ích thế giới. Vì thế, Trung Quốc mong muốn hòa bình và hợp tác với các nước để cùng thu hút vốn, công nghệ, tài nguyên và thị trường.*

Tổng bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết và Tổng bí thư, Chủ tịch nước CHND Trung Hoa Hồ Cẩm Đào vẫy chào nhân dân Thủ đô Hà Nội (Ảnh báo tháng 11/2006)

Hệ thống Tổ chức điều phối được hình thành theo Quyết định số 20/2004/QĐ-TTg ngày 18/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể là:

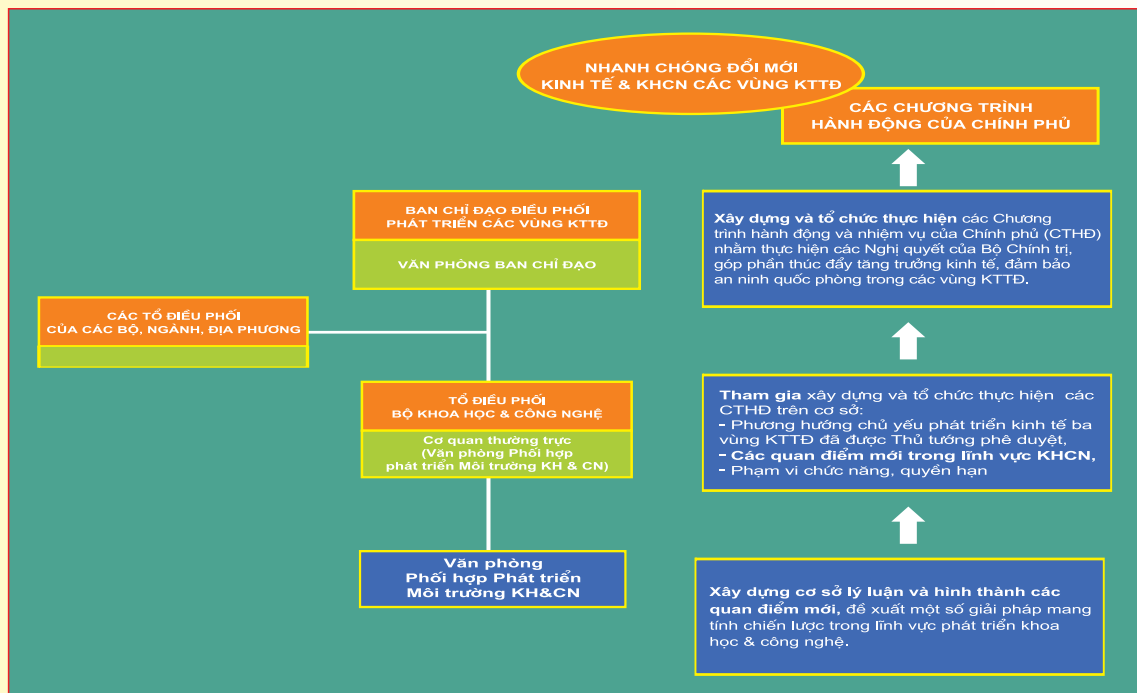
- Ban Chỉ đạo Điều phối phát triển các vùng KTTĐ (Ban Chỉ đạo) do Phó Thủ tướng Thường trực phụ trách trực tiếp chức danh Trưởng ban. Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đảm nhiệm. Các thành viên Ban Chỉ đạo gồm 22 Thứ trưởng đại diện các Bộ, ngành, và 21 Phó Chủ tịch của các tỉnh thành trong vùng. Giúp việc trực tiếp Ban Chỉ đạo có Văn phòng Ban chỉ đạo Điều phối phát triển các vùng KTTĐ đặt tại Viện Chiến lược Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; có một Chánh Văn phòng và một Phó Văn phòng.
- 22 Bộ và 21 tỉnh thuộc ba vùng KTTĐ đã thành lập các Tổ điều phối. Thứ trưởng hoặc Phó Chủ tịch tỉnh chỉ đạo và điều hành chung Tổ điều phối. Bộ KH&ĐT đã có Quyết định số 811/QĐ-BKH ngày 22/8/2005 thành lập ba Tổ thường trực cho ba vùng KTTĐ và do ba Thứ trưởng Bộ Kế hoạch & Đầu tư làm Tổ trưởng; Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo làm Tổ

## Phần I. CHỦ TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC ...

phó thường trực; các thành viên là lãnh đạo các Vụ thuộc các Bộ, ngành và Giám đốc Sở KH&ĐT các tỉnh trong vùng KTTĐ.

■ Tổ Điều phối Phát triển KH&CN các vùng KTTĐ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ do Thứ trưởng thường trực chỉ đạo và điều hành chung. Thành viên của Tổ Điều phối gồm lãnh đạo Tổng cục, các Vụ và các đơn vị trực thuộc trong Bộ với cơ quan thường trực là Văn phòng Phối hợp Phát triển Môi trường KH&CN.

Sơ đồ dưới đây mô tả cơ cấu tổ chức của hệ thống Tổ chức điều phối phát triển các vùng KTTĐ:





**Phần II**  
**VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC KH&CN TRONG**  
**CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM**



## MỤC LỤC PHẦN II

<b>T</b> ập trung đổi mới toàn diện công tác KH&CN trong các vùng KTTĐ, góp phần nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất	17
<b>X</b> ây dựng môi trường KH&CN bằng việc tập trung phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất	18
“ ... <b>T</b> rước hết cần đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất ...”	21
“ ... <b>V</b> à xây dựng hạ tầng kỹ thuật KH&CN trực tiếp sản xuất ...”	22
<b>K</b> hu công nghệ - Hậu cứ và tiền tuyến của các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất	24
<b>K</b> hu công nghệ cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia	29



## Tập trung đổi mới toàn diện công tác KH&CN trong các vùng KTTĐ, góp phần nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất



“... Các hoạt động khoa học và công nghệ phải được **bắt nguồn từ nhu cầu doanh nghiệp và cơ sở sản xuất ...**”  
(Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng)

Ảnh: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng - Thủ tướng đầu tiên của Việt Nam trực tiếp phụ trách công tác Khoa học & Công nghệ và Giáo dục & Đào tạo.

Vào những năm 70 khi những nhà máy như Cơ khí trung quy mô Hà Nội còn là ước mơ của nhiều người Hàn Quốc thì TS. Choi Hyung Sup - Viện trưởng đầu tiên của Viện KIST - Viện Khoa học & Công nghệ Hàn Quốc, người được Tổng thống Park Chung Hy quý trọng, đã viết: “... Việc tạo ra một môi trường xã hội trong đó KH&CN có thể bén rễ, nói một cách khác, **việc tạo ra một**



**môi trường để mọi người hiểu khoa học và tôn trọng công nghệ là hết sức quan trọng. Muốn vậy, chính bản thân Tổng thống cần phải đi đầu...”**

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường toàn cầu hóa, một nền kinh tế quốc gia chỉ có thể tồn tại và phát triển khi các sản phẩm hàng hóa của nó luôn được đổi mới và cạnh tranh về chất lượng, mẫu mã, giá cả... Rõ ràng, những đòi hỏi như vậy chỉ được thỏa mãn với điều kiện **khoa học có mặt ngay tại nơi sản xuất, trực tiếp tham gia sản xuất.**

Nếu điều này vào thế kỷ 19 còn khó nhận thấy, thì bây giờ đang diễn ra hàng ngày, rất nhanh, rất mạnh trên quy mô toàn thế giới. Vì thế, nếu như thành công của “Khoản 10” là dựa trên cơ sở thay đổi cơ chế kinh tế, giải phóng sức lao động của người nông dân Việt Nam thì cơ sở thành công của cuộc đột phá trong phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ lần này chính là **nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất bằng việc *phối hợp tiềm lực người lao động Việt Nam với sức mạnh KH&CN.***



*...Hoạt động khoa học - kỹ thuật đòi hỏi một môi trường xã hội thuận lợi với tư duy khoa học. Cho nên phải có một sự đổi mới nhận thức sâu sắc và mạnh mẽ về vai trò của khoa học và giáo dục trong toàn xã hội, mà trước hết với cơ quan lãnh đạo .*

(Tạp chí Cộng sản số 1 năm 1989 - Phần in đậm là của tác giả - Võ Nguyên Giáp - nhấn mạnh).

Ảnh: Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Theo tư duy này, để phát triển lực lượng sản xuất phải có sức mạnh KH&CN, đây là điều hết sức quan trọng, bởi Việt Nam là nước nông nghiệp, nên tiềm lực KH&CN (mà hiện tại chủ yếu vẫn tập trung trong các viện, trường), so với nhu cầu, còn rất nhỏ bé. Vì thế, trong nội dung năm bước chủ yếu của tiến trình phát triển đột phá kinh tế và KH&CN, đổi mới KH&CN có nghĩa là về cơ bản phải ***xây dựng mới tiềm lực KH&CN***. Trong tiến trình thực hiện chủ trương chiến lược hết sức quan trọng này, *trước hết các cơ quan tham mưu của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN, giáo dục và đào tạo cần được tăng cường và đổi mới từ Trung ương đến cơ sở.*

### **Xây dựng mới tiềm lực KH&CN bằng việc tập trung phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất**

Việc nhanh chóng xây dựng một nền kinh tế hàng hóa có tính cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa đòi hỏi đất nước phải có ***sức mạnh KH&CN mới***, mà thể hiện ***trước hết ở tiềm lực công nghệ.***



*“Khi gia nhập WTO, Chính phủ đã đặt niềm tin rất lớn vào đội ngũ doanh nghiệp”.* (Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Sinh Hùng )

Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Sinh Hùng  
- Trưởng ban Chỉ đạo Điều phối phát triển các vùng KTTĐ (Anh báo tháng 10/2006)

*Theo kết quả nghiên cứu, trên 95% công nghệ được áp dụng trong các doanh nghiệp là từ nước ngoài.*

*Hàng năm, các DN quốc doanh Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư đổi mới công nghệ khoảng 10 triệu USD, còn DN ngoài quốc doanh khoảng 200 triệu USD.*



Ảnh: Các dây chuyền sản xuất mới

Vì thế, trong các Chương trình hành động của Chính phủ ban hành theo Quyết định số 123/2006/QĐ-TTg ngày 29/5/2006 và Quyết định số 191/2006/QĐ-TTg ngày 17/8/2006, Thủ tướng Chính phủ đã có chủ trương tập trung phát triển công nghệ, cụ thể là: *“Tập trung phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất (KH&CN doanh nghiệp và cơ sở sản xuất) trong đó trước hết cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất và xây dựng hạ tầng kỹ thuật KH&CN trực tiếp sản xuất”*. Chủ trương này không những đã xác định rõ mục tiêu cho công tác KH&CN là tập trung phát triển công nghệ mà còn chỉ ra các giải pháp chủ yếu để thực hiện.

Như vậy, nhiệm vụ hàng đầu của công tác KH&CN là phải làm *sáng tỏ về phương diện lý luận và thực tiễn chủ trương chiến lược tập trung phát triển công nghệ*. Trong đó công nghệ được hiểu theo nghĩa rộng, tức là bao

## Phần II. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ ...

gồm công nghệ chiến lược, công nghệ quản lý và công nghệ kỹ thuật.

Tiếp theo, trên cơ sở các quan điểm mới, nghiên cứu xây dựng và ban hành các chính sách thúc đẩy tiến trình đổi mới toàn diện các hoạt động KH&CN nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam ***kịp thời xây dựng chiến lược, nâng cao trình độ quản lý và đổi mới công nghệ.***

*Các sản phẩm của KH&CN cơ sở sản xuất đang ngày càng nhiều trên đồng ruộng, trong nhà máy, đời sống. Và nếu niềm tự hào của đất nước hôm nay không phải là xuất khẩu than hay dầu thô ... mà là **xuất khẩu công nghệ**, thì điều này dường như đã được khởi đầu bởi chính KH&CN cơ sở sản xuất.*



Máy gạt đập liên hợp đã làm giảm thất thoát, khắc phục tình trạng thiếu nhân công.



Máy hút bùn chiều dài 9m, nặng 500kg, công suất hút 30m<sup>3</sup> bùn/giờ.



Bộ nhang điện; dây điện chạy trong vỏ ống nhựa, sử dụng transistor.



Ngày 06/7/2005, ông Lũy “thần đèn” ra nước ngoài với niềm tự tin: “Bảo đảm thành công 100%”



Anh lái xe ôm Đậu Hòa Vang đã được Công ty Musso của Mỹ mời qua để phối hợp nghiên cứu, chế tạo trụ đèn thông minh và các sản phẩm khác.



**“ ... Trước hết cần đặc biệt chú trọng  
nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất ...”**

Việc quá tập trung cho Nghiên cứu khoa học hay Nghiên cứu lý thuyết và Nghiên cứu triển khai, mà những nghiên cứu này chủ yếu diễn ra trong các viện, trường đã làm *tăng quá nhanh số học hàm, học vị như tiến sĩ, giáo sư ở các viện, trường*. Đó là chưa kể một số nguyên nhân đã làm thực tế vẫn chưa có các tiêu chí hợp lý để đánh giá kết quả nghiên cứu, nhất là Nghiên cứu triển khai. Trong khi đó, *do chỉ coi Nghiên cứu công nghệ tức Nghiên cứu sản xuất chỉ là sáng kiến cải tiến kỹ thuật mà không phải là Nghiên cứu khoa học* cho nên nền KH&CN Việt Nam đến nay vẫn chưa có khái niệm về các chức danh khoa học như *kỹ sư trưởng, tổng công trình sư .v.v...*

Nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, vốn và công nghệ, đó là bốn yếu tố cơ bản làm cho đất nước phát triển. Trong đó, nếu có hai yếu tố đầu thì có thể thu hút hai yếu tố sau. Vì thế, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: *“...trước hết cần đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất”* đã tạo cơ sở không chỉ cho các hoạt động KH&CN mà cả cho các hoạt động văn hoá, giáo dục và đào tạo trong các vùng kinh tế trọng điểm phải



Đèn ông sao và “ Ông Tiến sỹ giấy” là món quà của trẻ em trong Tết Trung thu ; “Tiến sỹ” cũng là ước mơ của nhiều người Việt Nam. Theo kế hoạch, đến 2010 Việt Nam sẽ có đến 19000 tiến sỹ.

Ảnh: Đón Tết Trung Thu



## Phần II. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ ...

có những chuyển hướng cơ bản sang *phục vụ trực tiếp, kịp thời và lâu dài nhu cầu sản xuất*. Từ đó, cần điều chỉnh từ mục tiêu, cơ chế, chính sách đến tổ chức thực hiện đồng bộ theo hướng chỉ đạo của Chính phủ. Đây là cơ sở cho các quyết sách có tính đột phá trong các lĩnh vực văn hoá, KH&CN, giáo dục và đào tạo; Đặc biệt là đào tạo bậc đại học Việt Nam trong các vùng KTTĐ để hội nhập với khu vực, tiến tới hội nhập với quốc tế.



“...Để một đất nước phát triển ngoài vốn đầu tư, cơ sở hạ tầng, phải có một cơ sở quan trọng hàng đầu, đó là đào tạo nguồn nhân lực”

Nguyễn Thủ tướng Singapore  
Lý Quang Diệu



(Ảnh báo tháng  
10/2005)

“...Chúng ta cần một nền giáo dục để trang bị cho nhân dân khả năng giải quyết vấn đề chứ không phải giúp họ lấy được bằng cấp và những cái khác ...”

TS. Choi Hyung -  
Sup - Viện trưởng  
đầu tiên của Viện  
Khoa học & Công  
nghệ Hàn Quốc.

### “...Và xây dựng hạ tầng kỹ thuật KH&CN trực tiếp sản xuất ...”

Nếu trước đây Nhà nước đã tập trung toàn lực để phát triển cả hạ tầng kỹ thuật bên ngoài lẫn bên trong cho các tổ chức KH&CN viện, trường, thì nay với KH&CN doanh nghiệp, Nhà nước không thể làm giống như vậy. Đơn giản là Nhà nước không muốn và cũng không thể can thiệp vào nhiệm vụ cụ thể của mỗi tổ chức sản xuất. Vì thế, khác với viện, trường, Nhà nước chỉ có thể hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc *tập trung xây dựng một môi trường KH&CN trực tiếp sản xuất thuận lợi*.

Để thực hiện vấn đề hàng đầu là tập trung phát triển công nghệ,



Chương trình hành động của Chính phủ hướng dẫn: “... xây dựng các khu công nghệ ở cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia...”. Trong đó, khu công nghệ được xem như là một dạng môi trường KH&CN trực tiếp sản xuất cụ thể, được xây dựng theo mô hình “đặc khu” bằng các nguồn lực xã hội với sự hỗ trợ của Nhà nước. Nếu coi “đặc khu” không phải là kho vàng mà là cánh cửa đón những yếu tố chiến lược cho đất nước bứt phá như: công nghệ, quản lý, cơ chế, vốn..., thì tại đây những bộ phận được lựa chọn của doanh nghiệp, viện, trường... sẽ được hưởng những ưu đãi về cơ chế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực.

Tác dụng của “đặc khu KH&CN” không phải một chiều, về đối ngoại nó là cánh cửa mở ra bên ngoài, về đối nội nó là hình mẫu về đổi mới.

*Tháng 9/2006, khi đến cắt băng khánh thành khu công nghiệp VSIP2, Thủ tướng Lý Hiển Long đã phát biểu quan điểm cho rằng hướng tới của Việt Nam, Singapore và các nước Asean khác chính là FTA (Free Trade Agreement) mà bản chất là hợp tác giữa Asean với Trung Quốc và Asean với Ấn Độ. Theo hướng này, nếu như khu công nghiệp VSIP1 thu hút chủ yếu các nhà máy thì khu công nghiệp VSIP2 sẽ trở thành một trung tâm dịch vụ cho Free Trade. Đó có thể là tổng kho xuất nhập, mà cũng có thể là trung tâm giao dịch tài chính, viễn thông ...*

*Như vậy, có thể thấy, theo xu thế phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất đang ngày một thay đổi vừa mạnh mẽ vừa đa dạng. Có thể thấy điều này qua nhu cầu không ngừng tăng về số lượng và tính chất các khu công nghệ cũng như các nguồn đầu tư mới trong các vùng KTTĐ.*

*Điều này sẽ dẫn đến nhu cầu về hình thành, phát triển công nghệ và nguồn nhân lực cho sản xuất trong vùng. Khu công nghệ chính là nơi được hình thành nhằm góp phần quan trọng đáp ứng các nhu cầu này.*



Ảnh: Nhiều khu và cụm công nghiệp đang hình thành trong các vùng KTTĐ



Công tác đổi mới KH&CN sẽ rất thuận lợi khi đã có các khuôn mẫu thành công ở các “đặc khu KH&CN”. Đây là giải pháp chiến lược quan trọng đáp ứng nhu cầu thực tiễn và đã được thực tiễn kiểm chứng. Tiếp theo, cần xây dựng các cơ chế, chính sách tạo đà cho việc thu hút các nguồn lực không chỉ của Trung ương hay địa phương mà cả của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng KHCN trực tiếp sản xuất, mà tiêu biểu là các khu công nghệ, một dạng “đặc khu KH&CN” - “hậu cứ” và “tiền tuyến” cho lực lượng KH&CN trực tiếp sản xuất.

### Khu công nghệ - Hậu cứ và tiền tuyến của các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất



(Ảnh báo tháng 10/06)

*Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng Shinzo Abe khởi động làn sóng đầu tư mới vào Việt Nam, với sự chú trọng đặc biệt môi trường đầu tư, môi trường KH&CN và môi trường thương mại.*

*Ngày 21/9/1973, trước khi kết thúc chiến tranh Việt Nam và bỏ qua sự phản đối của đồng minh, Nhật Bản đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam.*

*Và bắt đầu ngay từ năm 1975, Nhật Bản đã chuẩn bị để đến 1977 cung cấp ODA cho Việt Nam và kể từ 1992 đến nay, luôn đứng ở vị trí số 1. Chỉ từ 1992 đến 2002 tổng số ODA của Nhật dành cho Việt Nam là 8,2 tỷ USD, chiếm 40% tổng số viện trợ và khá ổn định, kể cả khi kinh tế Nhật suy thoái.*

*Ba lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ của Nhật là: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; cải thiện môi trường sinh hoạt và xã hội; xây dựng thể chế.*

### Tóm tắt thực trạng KH&CN trong các vùng KTTĐ

Ba vùng KTTĐ hầu như tập trung toàn bộ tiềm lực KH&CN cả nước, trong đó trước hết là nguồn nhân lực lao động kỹ thuật. Nguồn nhân lực này mặc dù hiện tại so với nhu cầu còn thiếu, yếu và phân tán nhưng nếu



Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vui mừng chào đón APEC 2006

(Ảnh báo tháng 11/2006)



có điều kiện đào tạo sẽ có khả năng thích ứng nhanh với nhu cầu tiếp nhận và đổi mới công nghệ, kể cả trong các khu vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu quy mô lớn.

Tuy đạt những kết quả đáng ghi nhận, song các hoạt động KH&CN vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ có hiệu quả cao cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Biểu hiện trước hết ở sự thiếu vắng các hoạt động trực tiếp phục vụ sản xuất như: tạo ra các sản phẩm nghiên cứu có thể sản xuất ngay, các hoạt động ươm tạo doanh nghiệp, ươm tạo công nghệ và thị trường công nghệ như: các dịch vụ tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ, ... cũng như thiếu sự phối hợp, hợp tác giữa các tổ chức, cá nhân trong hoạt động KH&CN.

Có thể phần nào nhận thấy nguyên nhân của những bất cập nêu trên qua việc đầu tư cho KH&CN năm 2005: Tuy đã đạt con số 270 triệu USD cho cả nước nhưng còn rất hạn hẹp nếu so với các nước khác và đáng chú ý là *về cơ bản đã không định hướng trực tiếp phục vụ sản xuất - kinh doanh.*

### ***Phương hướng giải quyết***

Bên cạnh việc củng cố, phát huy sức mạnh KH&CN trong các viện nghiên cứu, các trường đại học, việc thực hiện chủ trương chiến lược tập trung xây dựng môi trường KH&CN trực tiếp sản xuất là hết sức có ý nghĩa. Đó là môi trường xã hội có các điều kiện thuận lợi cho sản xuất

phát triển mà trước hết là hình thành và phát triển nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất cũng như hệ thống hạ tầng kỹ thuật KH&CN trực tiếp sản xuất mà tiêu biểu là hệ thống các khu công nghệ.

### ***Khu công nghệ - môi trường KH&CN trực tiếp sản xuất điển hình***

Xác định rõ vai trò quan trọng của hệ thống các khu công nghệ trong tiến trình phát triển kinh tế-xã hội các vùng KTTĐ, Thủ tướng Chính phủ đã có chủ trương: “...*Tổ chức xây dựng và sớm đưa vào hoạt động các khu công nghệ cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia (còn gọi là các “khu sinh dưỡng” công nghiệp, khu ươm tạo công nghệ, khu ươm tạo doanh nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ cao ...) trở thành trụ cột của hệ thống hạ tầng kỹ thuật KH&CN trực tiếp sản xuất...*”.

Theo đó, khu công nghệ, được hiểu là một lãnh thổ có ranh giới xác định, trong đó tập hợp các điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu, hình thành, lựa chọn và ứng dụng công nghệ nhằm phục vụ cho sự tạo lập, phát triển và đổi mới của các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất trong khu vực (tỉnh, vùng hay liên vùng).

#### **Mỗi năm Việt Nam có thêm một tỉnh**



*Năm 2005 Việt Nam có 83 triệu người, đứng thứ 13, mật độ là 252 người/km<sup>2</sup>, gấp 6-7 lần mật độ chuẩn trên thế giới. Mỗi năm, nước ta tăng hơn 1 triệu người, bằng số dân một tỉnh trung bình.*

*Việt Nam vẫn là một nước “tam nông” (nông nghiệp, nông thôn, nông dân), do tỷ lệ dân đô thị cả nước mới đạt 26,3%. Chất lượng dân số cũng còn vấn đề: Sức khỏe kém so với khu vực; khoảng 5% mù chữ, 50% trình độ tiểu học; 80% lao động trên 15 tuổi không được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật ...*

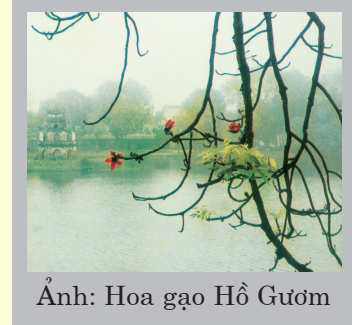




Như vậy, khu công nghệ được xem là môi trường xã hội đặc biệt, là sự *nhất thể hóa giữa môi trường đầu tư, môi trường KH&CN và môi trường thương mại.*

### ***Quan điểm và các bước thực hiện***

Định hướng phát triển các khu công nghệ cấp tỉnh và cấp vùng được xác định *căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng.* Do tính chất của khu công nghệ, trong điều kiện Việt Nam nên chọn các khu công nghệ ở các vị trí nằm gần các khu đô thị và khu công nghiệp.



Ảnh: Hoa gạo Hồ Gươm

Từ nay đến 2010, dự kiến mỗi tỉnh trong vùng ít nhất có một khu công nghệ cấp tỉnh, mỗi vùng có ít nhất một khu công nghệ cấp vùng . Tiếp theo, trong giai đoạn từ 2010 đến 2020, trên cơ sở thực tiễn tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống khu công nghệ tại các tỉnh trong ba vùng KTTĐ. Các địa phương được lựa chọn để xây dựng các khu công nghệ cấp vùng là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng - Quảng Ninh, Đà Nẵng, Đồng Nai.

Trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật KH&CN trực tiếp sản xuất, Nhà nước giữ vai trò quyết định vì nhìn chung các hoạt động trong lĩnh vực này thực tế thường vượt quá khả năng của tổ chức tư nhân và quan trọng là thường ít mang lại lợi nhuận trực tiếp cho tổ chức đầu tư xây dựng. Việc xây dựng các khu công nghệ do các tỉnh có khu công nghệ và Bộ KH&CN phối hợp thực hiện.

Từ nay đến năm 2010, dự kiến bình quân mỗi tỉnh trong vùng cần khoảng 100 ha cho các loại khu công nghệ. Nếu kinh phí hạ tầng cho các

## Phần II. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ ...

khu công nghệ cấp tỉnh là khoảng trên 3 tỷ VND, tức là khoảng 200 ngàn USD/ha thì kinh phí phát triển hạ tầng kỹ thuật các khu công nghệ (chưa kể giải phóng mặt bằng) hàng năm cho các tỉnh, thành trong vùng KTTĐ ước khoảng 125 triệu USD/năm, tức là gần bằng một nửa kinh phí KH&CN năm 2005 cho hoạt động KH&CN gián tiếp sản xuất. Dự kiến nguồn kinh phí hàng năm cho việc xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu công nghệ được cân đối từ nguồn vốn ngân sách hoặc nguồn vốn vay ODA.

Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế xây dựng các khu công nghệ. Đối với các đối tượng hoạt động trong khu công nghệ được hưởng mọi quy chế ưu đãi như trong khu công nghệ cao.

Hình thành trong mỗi vùng các tổ chức KH&CN tập trung (viện hoặc trung tâm) để hỗ trợ giải quyết các nhu cầu về công nghệ cho doanh nghiệp như: thiết kế, tạo mẫu, chế thử, kiểm tra, đánh giá các sản phẩm... Các tổ chức này có thể là sự nghiệp công lập, ngoài công lập hoặc doanh nghiệp KH&CN.

Xây dựng tại mỗi vùng các trung tâm đào tạo lại và đào tạo mới nguồn nhân lực KH&CN theo hướng phục vụ trực tiếp nhu cầu doanh nghiệp. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia liên kết đào tạo



Ảnh: Học trên lưng trâu

*“... Nước ta ở về xứ  
nóng, khí hậu tốt.  
Rừng vàng, biển  
bạc, đất phì nhiêu.  
Nhân dân dũng  
cảm và cần kiệm.  
Các nước anh em  
giúp đỡ nhiều...”*

Hồ Chí Minh



Ảnh: Ruộng bậc thang  
ở Hà Giang



nhân lực KH&CN cũng như thu hút nhân lực kỹ thuật cao từ nước ngoài.

Hỗ trợ các viện, trường trong và ngoài nước đào tạo lại cán bộ, kỹ sư và chuyên gia công nghệ theo các hình thức đào tạo: liên kết, từ xa, đa phương tiện nhằm đáp ứng tại chỗ các nhu cầu phục vụ doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, các trung tâm đào tạo nghề tổ chức đào tạo, đào tạo lại theo ngành nghề các doanh nghiệp.

### **Khu công nghệ cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia**

#### ***Khu công nghệ cấp tỉnh***

Tùy theo nhu cầu của từng địa phương mà quy mô của khu công nghệ cấp tỉnh có thể có quy mô đến khoảng một trăm ha, phục vụ chủ yếu cho nhu cầu phát triển sản xuất trong phạm vi tỉnh. *Định hướng phát triển các khu công nghệ cấp tỉnh phụ thuộc vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.* Đối tượng tham gia là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức



*Với qui mô không lớn, trong khu công nghệ này có các doanh nghiệp nuôi cá, chim bồ câu, làm rượu dâu... Một hình ảnh của khu công nghệ cấp tỉnh.*

Ảnh: Cổng vào với dòng chữ "Khu Công nghệ nông nghiệp Vân Nam "



*Doanh nghiệp trong khu công nghệ đảm nhận việc liên hệ với các trung tâm khoa học; cung cấp chim giống; hướng dẫn nông dân nuôi và thu mua để bán.*

Ảnh: Nơi cung cấp chim giống tại Khu Công nghệ Vân Nam.

KH&CN có khả năng nghiên cứu ứng dụng, cải tiến công nghệ nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất của tỉnh. Khuyến khích các yếu tố nước ngoài tham gia các hoạt động trong khu công nghệ cấp tỉnh.

### ***Khu công nghệ cấp vùng***

Có quy mô khoảng vài trăm ha, phục vụ chủ yếu cho nhu cầu phát triển sản xuất trong phạm vi vùng trong các trường hợp tiềm lực KH&CN của một tỉnh không đáp ứng được hoặc mỗi tỉnh đầu tư một khu công nghệ giống nhau sẽ làm giảm hiệu quả kinh tế - xã hội. Đối tượng tham gia vào các khu công nghệ cấp vùng là các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức KH&CN có khả năng ứng dụng, cải tiến công nghệ phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh ở phạm vi cấp vùng. Khuyến khích các yếu tố nước ngoài tham gia các hoạt động trong khu công nghệ cấp vùng.



Ảnh: Biển miền Trung

### ***Khu công nghệ cấp quốc gia***

Khu công nghệ cấp quốc gia phục vụ chủ yếu cho nhu cầu phát triển sản xuất trong phạm vi cả nước, đặc biệt trong các lĩnh vực KH&CN Nhà nước ưu tiên. Đối tượng tham gia có thể là các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức KH&CN có khả năng ứng dụng, cải tiến công nghệ phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh ở phạm vi cấp quốc gia. Trong thực tế, các Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được xem như các ví dụ về khu công nghệ cấp quốc gia. Các khu công nghệ cấp quốc gia không nhất thiết phải có quy mô lớn mà chủ yếu phụ thuộc vào định hướng phát triển của Nhà nước.



**Phần III**  
**MỘT SỐ QUAN ĐIỂM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI TOÀN**  
**DIỆN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI**



### MỤC LỤC PHẦN III

<b>V</b> ai trò và nhiệm vụ của công tác lý luận trong tiến trình đổi mới toàn diện công tác KH&CN	33
<b>T</b> ại sao khoa học chưa trở thành động lực phát triển kinh tế?	35
<b>T</b> iên đoán của Karl Marx hay xu thế nhất thể hóa giữa khoa học và sản xuất là tiền đề cho việc thay đổi các quan điểm ...	37
<b>N</b> ếu như các nước đi trước khởi đầu quá trình phát triển khoa học và kinh tế theo Chu trình thuận thì các nước đi sau...	39
<b>T</b> hế nào là khoa học (KH&CN)?...	41
<b>T</b> hế nào là KH&CN viện, trường và KH&CN doanh nghiệp?	43
<b>T</b> ập trung phục vụ Nghiên cứu công nghệ - Mục tiêu và cơ hội đổi mới cho các viện, trường.	44
<b>X</b> ã hội hóa KH&CN-thực chất là phát triển Môi trường KH&CN	47
<b>C</b> họn trình tự “Công nghệ, Khoa học và Đào tạo ” ...	47
<b>A</b> i sẽ là chủ thể của KH&CN?	48
<b>Đ</b> ánh giá tiềm lực KH&CN theo cách nhìn mới.	49
<b>C</b> ách gắn kết tốt nhất là tự gắn kết.	50
<b>C</b> ủ động tái tạo và xây dựng mới các tổ chức KH&CN...	51
<b>P</b> hát triển Môi trường KH&CN - ... Cơ sở hàng đầu cho việc xây dựng một nền Văn hóa mới	52
<b>P</b> hối hợp triển khai hai CTHĐ của Chính phủ ...	57

## Vai trò và nhiệm vụ của công tác lý luận trong tiến trình đổi mới toàn diện công tác KH&CN



*“... Mục tiêu hàng đầu của qui hoạch phát triển KH&CN các vùng KTTĐ là phục vụ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong vùng ...”*

Bộ trưởng Bộ KH&CN  
Hoàng Văn Phong

(Ảnh báo tháng 1/2006)

Để xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong điều kiện Việt Nam, đòi hỏi phải đột phá lý luận truyền thống, xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống lý luận riêng. Hệ thống lý luận kinh tế thị trường định hướng XHCN tuy vẫn đang còn phải tiếp tục nghiên cứu, xây dựng song triển vọng lại rất lớn.

Nằm trong hệ thống lý luận này, muốn thực hiện được vai trò và nhiệm vụ của mình, công tác lý luận trong lĩnh vực KH&CN vừa phải chú ý đến đặc thù riêng, lại vừa phải có sự phối hợp chặt chẽ, phù hợp với xu thế phát triển của công tác lý luận trong các lĩnh vực khác

như: Lý luận về mục tiêu đổi mới thể chế kinh tế; về mục tiêu giáo dục và đào tạo; về cải cách chế độ sở hữu; về đổi mới nông thôn; về đổi mới doanh nghiệp; về hệ thống thị trường; về cải cách thể chế quản lý vĩ mô; về phân phối thu nhập; về vấn đề “mở cửa” .v.v...

Điều này càng trở nên cấp thiết trong quá trình thực hiện các Quyết định và các Chương trình hành động của Chính phủ trong các vùng KTTĐ. Mặt khác, việc tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược này cũng



### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...

---

là cơ hội cho tiến trình đổi mới toàn diện công tác nghiên cứu KH&CN về cả lý luận và thực tiễn.

Tháng 5 năm 2005, trong khuôn khổ thực hiện chủ trương chiến lược xây dựng các vùng KTTĐ của Chính phủ, Bộ KH&CN đã giao nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng quy hoạch phát triển KH&CN trong các vùng KTTĐ đến năm 2020” cho Văn phòng Phối hợp Phát triển Môi trường KH&CN chủ trì thực hiện với mục tiêu *“Xây dựng cơ sở lý luận và các quan điểm mới, cũng như đề xuất một số giải pháp có tính chiến lược nhằm phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất”*.

Những kết quả đạt được tuy mới là bước đầu song cũng đã có những đóng góp nhất định cho tiến trình đột phá lý luận truyền thống, xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống lý luận riêng trong lĩnh vực KH&CN. Trong quá trình triển khai các nhiệm vụ KH&CN trong Chương trình hành động của Chính phủ tại các vùng KTTĐ, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, Văn phòng được lựa chọn làm cơ quan thường trực của Tổ Điều phối Phát triển KH&CN các vùng KTTĐ, Bộ KH&CN.

*Oxy và Hydro là hai nguyên tố độc lập, tồn tại ở thể khí, dễ cháy, nhưng khi phối hợp với nhau và nhất thể hóa, chúng ta lại nhận được nước.*

(Ảnh: Suối Yến, động Hương Tích)





## Tại sao KH&CN chưa trở thành động lực phát triển kinh tế?

Có nhiều nguyên nhân của việc KH&CN chưa trở thành động lực phát triển kinh tế, nhưng nguyên nhân hàng đầu chính là ở chỗ, trong tiến trình xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN và xu thế toàn cầu hóa, hiện vẫn chưa thực sự làm rõ được hai vấn đề quan trọng. Đó là: ***Thế nào là KH&CN?*** và ***Làm thế nào để phát triển KH&CN trong điều kiện Việt Nam?***

Việc phân loại khoa học (KH&CN) chỉ bao gồm Nghiên cứu lý thuyết (R - Research), Nghiên cứu triển khai (R&D – Research & Development) và Dự án sản xuất thử - thử nghiệm (còn gọi là Dự án P, chủ yếu do các viện, trường thực hiện) *không còn phù hợp nữa, vì trong bối cảnh hiện tại, đã góp phần làm sâu sắc thêm quan niệm coi KH&CN và sản xuất là hai lĩnh vực riêng biệt.* Từ đó, dẫn đến việc quá tập trung phát triển KH&CN viện, trường và tiếp theo Nhà nước sẽ phải nỗ lực “gắn kết” KH&CN viện, trường với sản xuất. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm KH&CN doanh nghiệp vẫn yếu, thiếu, phân tán, hơn nữa ít được chú ý và tôn trọng.



Ảnh: Trong phòng thí nghiệm

*Việc đặt vấn đề các kết quả nghiên cứu của viện, trường phải đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội là không thể, bởi vì sản phẩm của viện, trường là hữu hạn còn nhu cầu xã hội là vô hạn.*

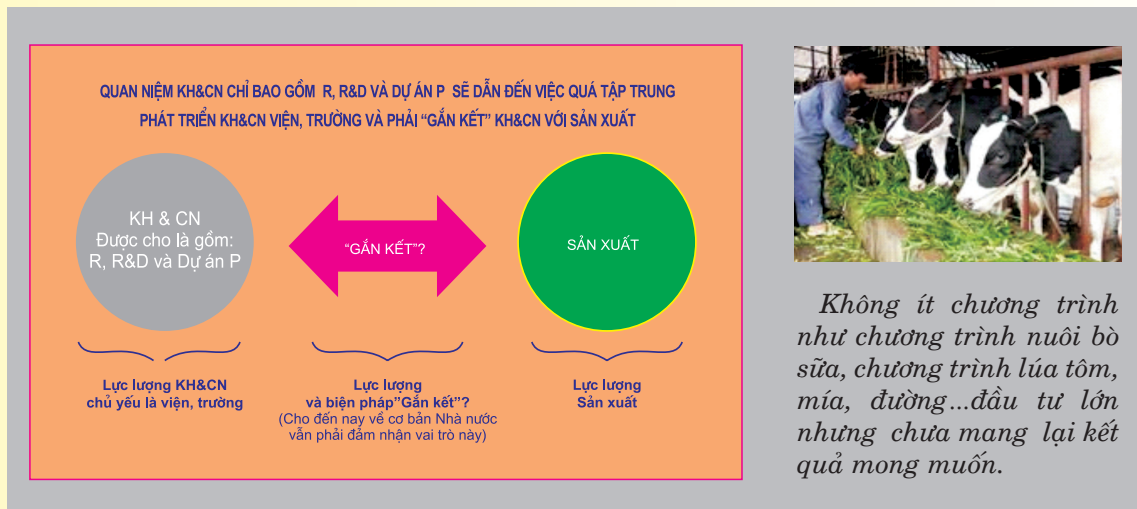


Ảnh: Vụ mùa thắng lợi

### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...

Sự phát triển mất cân đối này đã góp phần làm hàng hóa Việt Nam thiếu tính cạnh tranh, thua thiệt cho lực lượng sản xuất và ảnh hưởng đến khả năng đóng góp và phát triển của chính hệ thống viện, trường, bởi vì, với ba chức năng chính (chức năng hoạt động KH&CN, chức năng trực tiếp sản xuất và chức năng “trình sát thị trường” cho KH&CN viện, trường), KH&CN doanh nghiệp không những là thị trường tiêu thụ sản phẩm mà còn định hướng và hỗ trợ trực tiếp cho KH&CN viện, trường phát triển.

Rõ ràng, để nền kinh tế đất nước tăng tốc và cất cánh đúng hướng hai động lực của nền kinh tế là KH&CN viện, trường và KH&CN doanh nghiệp đều phải đủ mạnh và đồng bộ. Nói cách khác, hiện tại phải ưu tiên tập trung phát triển KH&CN của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất. Như thế, hai vấn đề quan trọng vừa nêu ở trên sẽ được thay thế bằng: *Thế nào là KH&CN viện, trường? Thế nào là KH&CN doanh nghiệp? Và trong bối cảnh hiện tại: Làm thế nào để phát triển hai loại KH&CN này?*



### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...



“Năm 1991, An Giang đã liên kết tổ sản xuất; Năm 1997 có chỉ thị về hình thức sản xuất nông nghiệp; Từ 2000 có mô hình liên kết bốn nhà (Nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp). Tuy nhiên, An Giang đã làm hết sức mình nhưng kết quả không nhiều. Nói liên kết xong ráp vào không thấy vô. Tóm lại, cứ làm kiểu này 30 năm nữa chưa chắc đã xong”.

Ý kiến của nguyên Chủ tịch UBND tỉnh An Giang

“ Tỉnh chúng tôi không lo thiếu giải pháp kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu sản xuất, hiện tại chúng tôi đã có cách nuôi và tạo giống lợn siêu nạc, cũng có giống bưởi mới cho chất lượng và năng suất hơn trước. Người nông dân chúng tôi có truyền thống cần cù, hiếu học và tin tưởng vào Đảng, đã ứng dụng thành công những giải pháp kỹ thuật mới để tạo ra những thành quả lao động có năng suất và chất lượng cao. Tuy nhiên, điều mà chính quyền địa phương không làm được, Sở KH&CN tỉnh và các nhà khoa học trong nước, ngoài nước không làm được và người sản xuất cũng không làm được, đó là **đưa những sản phẩm này ra thị trường một cách hiệu quả**. Tức là, chỉ có doanh nghiệp mới có thể thực hiện thực sự hiệu quả từ định hướng sản xuất, phổ biến, chuyển giao KH&CN, đánh giá ... cho đến tiêu thụ sản phẩm. Nói cách khác, chỉ có **doanh nghiệp mới thực sự là động lực phát triển kinh tế và khoa học công nghệ**”.

Phát biểu của Lãnh đạo Sở KH&CN một tỉnh trong vùng KTTĐ

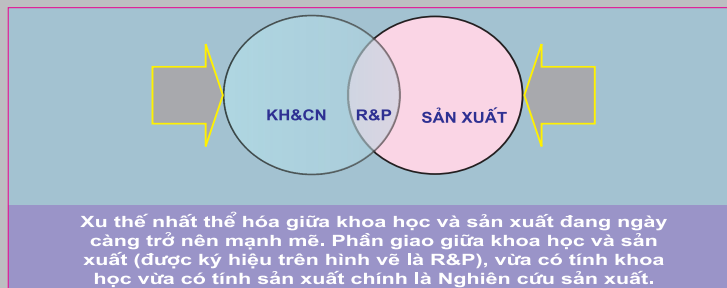
**Tiên đoán của Karl Marx hay xu thế nhất thể hóa giữa khoa học và sản xuất đang ngày càng mạnh mẽ chính là tiền đề cho việc thay đổi các quan điểm về phát triển KH&CN và kinh tế**

Cho đến đầu thế kỷ mười chín, khoa học chỉ đóng vai trò lực lượng *gián tiếp sản xuất*, do vào thời gian này, các hoạt động nghiên cứu phổ biến chỉ có Nghiên cứu lý thuyết (R- Research) và Nghiên cứu triển khai (R&D – Research & Development). Mặc dù vậy, ngay từ bấy giờ, Karl Marx, một trong những nhà khoa học có ảnh hưởng lớn nhất đến sự thay đổi toàn thế giới, đã khẳng định xu thế nhất thể hóa giữa khoa học và sản

### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...



Ảnh: Karl Marx



xuất khi tiên đoán sẽ đến ngày: “...*khoa học trở thành lực lượng trực tiếp sản xuất*”. Và ngày ấy đã đến khi xuất hiện phổ biến một dạng nghiên cứu mới - Nghiên cứu sản xuất (R&P- Research & Production). Sơ đồ trên biểu diễn quan điểm này của Marx.

Lịch sử phát triển kinh tế - xã hội cho thấy, tiếp theo Nghiên cứu lý thuyết, việc xuất hiện phổ biến Nghiên cứu triển khai gắn liền với việc chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp. Theo quy luật, trong thời đại ngày nay, có thể thấy ***sự xuất hiện phổ biến của Nghiên cứu sản xuất gắn liền với việc chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức. Về phương diện khoa học, đây cũng được xem như một trong các nguyên nhân quan trọng hình thành nền kinh tế tri thức và đồng thời cũng là một đặc trưng của nền kinh tế mới này.*** Nhờ thế mà hàm lượng chất xám trong mỗi sản phẩm hàng hóa ngày một gia tăng, hay nói một cách khác, thông qua Nghiên cứu sản xuất mà *khoa học đã thăng hoa trong mỗi sản phẩm hàng hoá và con đường dẫn tới “nhất thể hóa” giữa khoa học và sản xuất ngày càng rộng mở.* Như vậy, việc coi Nghiên cứu sản xuất – R&P và kết quả là ***cấu thành và kết tinh của khoa học cũng như kinh tế tri thức là kết quả của quá trình nhất thể hóa giữa khoa học và kinh tế - xã hội,*** chính là cơ sở cho việc hình thành các quan điểm mới trong tiến trình phát triển KH&CN và kinh tế - xã hội



“ ...Việc tiến tới nhất thể hóa giáo dục – khoa học – sản xuất, nhất thể hóa khoa học – kinh tế, kinh tế - khoa học đã trở thành một xu thế có tính quy luật của phát triển kinh tế - xã hội. Đó là con đường tối ưu để nhanh chóng đạt được những thành tựu lớn về khoa học, kỹ thuật, công nghệ và đào tạo nhân tài...

(Tạp chí Cộng sản số 1 năm 1989 - Phần in đậm là của tác giả Võ Nguyên Giáp – nhấn mạnh).

Ảnh: Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp

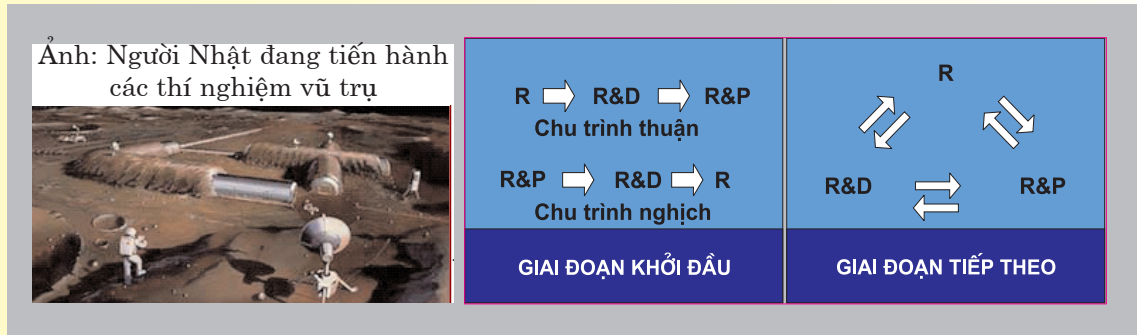
### Nếu như các nước đi trước khởi đầu quá trình phát triển khoa học và kinh tế theo Chu trình thuận thì các nước đi sau thường khởi đầu theo Chu trình nghịch

Vào thời đại của Karl Marx, với các nước đi trước, con đường phát triển KH&CN được mô tả như là *phát triển theo chu trình thuận*, đầu tiên là Nghiên cứu lý thuyết (R), tiếp theo là Nghiên cứu triển khai (R&D) và sau cùng là Nghiên cứu sản xuất (R&P). **Để tiếp thu thành tựu KH&CN các nước đi trước**, nhiều nước trên thế giới đã chọn cách thức *phát triển theo chu trình nghịch*. Tức là, đầu tiên là Nghiên cứu sản xuất (R&P), tiếp theo là Nghiên cứu triển khai (R&D) và cuối cùng là Nghiên cứu lý thuyết (R).

Có một cách diễn đạt đơn giản hơn, đó là: Nếu với các nước đi trước chỉ có một con đường phát triển *từ khoa học đến công nghệ*, thì các nước đi sau lại có lợi thế là có thể chọn con đường khác. Con đường này là **từ công nghệ đến khoa học**. Ví dụ: Với chính sách đổi mới kinh tế và khoa học của Minh Trị Thiên Hoàng, đầu tiên người Nhật đã mua máy móc của phương Tây để sản xuất và bắt chước công nghệ, tiếp theo là cải tiến và xây dựng công nghệ riêng, vẫn gọi là bắt chước có sáng tạo, rồi mới từng bước xây dựng một nền khoa học phát triển. Nhờ đó, chỉ một thời gian

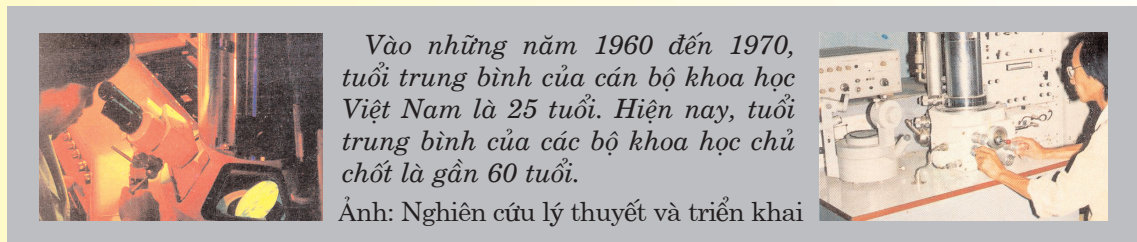


### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...



ngân nước Nhật đã trở nên hùng cường. Sau này, Hàn Quốc với chính sách phát triển các khu công nghệ, Trung Quốc với quyết tâm trước hết phải là “công xưởng của thế giới” ..., thực chất đều đã lựa chọn con đường phát triển khoa học theo chu trình nghịch và đã đạt những thành tựu kinh tế và khoa học mà thế giới sửng sốt.

Theo phương thức này, nền tảng phát triển kinh tế và khoa học phải là doanh nghiệp; và bởi người đầu tư cho KH&CN doanh nghiệp chủ yếu là chính doanh nghiệp, cho nên đây cũng chính là cơ sở để có thể giải thích tại sao KH&CN doanh nghiệp lại *đễ hội đủ các điều kiện và khả năng tiếp thu KHCN nhập ngoại*. Để hỗ trợ hoạt động các doanh nghiệp, về phương diện xã hội, cần thiết phải thay đổi tư duy, *từ chỗ sùng bái khoa học trở thành hiểu khoa học và tôn trọng công nghệ*.





## Thế nào là khoa học (KH&CN)? hay Phân loại khoa học theo đặc tính sản phẩm nghiên cứu

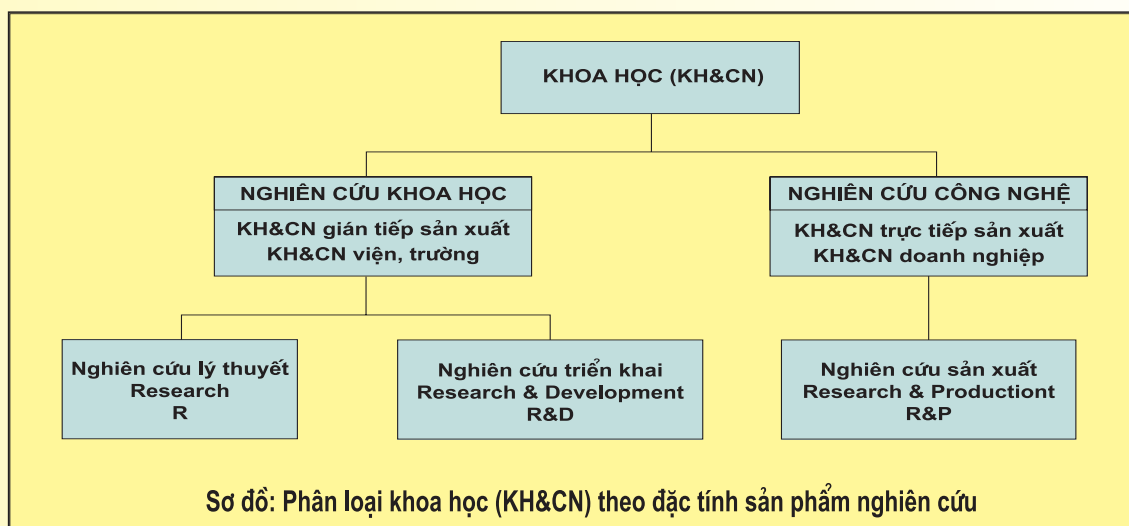
Đã phổ biến trên thế giới nhiều phương pháp phân loại khoa học. Tùy theo nhu cầu mà một phương pháp phân loại thích hợp được lựa chọn. Trong công tác quản lý, việc phân loại khoa học được coi là một trong các cơ sở quan trọng đầu tiên để hoạch định các chủ trương, chính sách. Từ đó, đưa ra các quyết định cần thiết như: *Xác định lĩnh vực khoa học cần tập trung đầu tư? Đối tượng đầu tư? Giai đoạn và mức độ đầu tư cần thiết?* v.v... Với sự xuất hiện của Nghiên cứu sản xuất (R&P), theo đặc tính sản phẩm nghiên cứu, khoa học ngày nay được phân loại gồm:

- Nghiên cứu lý thuyết (R) – Kết quả là các sản phẩm mang tính lý thuyết như nghiên cứu cơ bản, quản lý...
- Nghiên cứu triển khai (R&D) – Kết quả là các sản phẩm thử nghiệm mang tính khoa học và kỹ thuật;
- Nghiên cứu sản xuất (R&P) – Kết quả là các sản phẩm mang tính xã hội và hàng hóa, là kết tinh các thuộc tính khoa học, kỹ thuật, pháp luật, kinh tế, thẩm mỹ ...;  
hay ngắn gọn, *kết quả của Nghiên cứu sản xuất chính là công nghệ.*

Cho đến nay, theo quan niệm đã quen thuộc, sản phẩm của khoa học (KH&CN) hay sản phẩm của Nghiên cứu khoa học, chỉ bao gồm các sản phẩm của Nghiên cứu lý thuyết - R và sản phẩm của Nghiên cứu triển khai - R&D; còn các sản phẩm khác, cho dù có tính khoa học và tính kỹ thuật nhưng nếu do các doanh nghiệp thực hiện tức là có thêm tính hàng hóa và tính xã hội thì vẫn dễ được bình xét là sáng kiến cải tiến kỹ thuật hơn là sản phẩm khoa học. Nay, với việc chấp nhận Nghiên cứu sản xuất

### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...

hay Nghiên cứu công nghệ như là một cấu thành và kết tinh của khoa học, sẽ dễ thấy ***KH&CN trực tiếp sản xuất*** hay ***KH&CN doanh nghiệp*** chính là ***Nghiên cứu công nghệ***. Còn KH&CN gián tiếp sản xuất hay KH&CN viện, trường chính là Nghiên cứu khoa học. Như thế, với quan niệm mới của phương pháp phân loại theo đặc tính sản phẩm nghiên cứu, ***khoa học (KH&CN) bao gồm Nghiên cứu khoa học và Nghiên cứu công nghệ***.



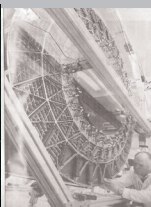
Quan niệm này cho thấy chủ trương chiến lược của Chính phủ: “Tập trung phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất (KH&CN doanh nghiệp...) ngoài yêu cầu chuyển hướng ***tập trung phát triển công nghệ*** còn giúp làm rõ những vấn đề quan trọng như: *Thế nào là KH&CN? Thế nào là công nghệ?* Và những vấn đề về tổ chức thực hiện như: *Ai là chủ thể của công nghệ? Ai là người tổ chức thực hiện nghiên cứu công nghệ? Ai là người nghiên cứu công nghệ?...*

Đây chính là lý do vì sao lại nói chủ trương của Chính phủ đã ***mở ra***

*một trang môi trong tiến trình phát triển KH&CN.* Phần tiếp theo cũng trình bày các quan điểm mới về phát triển KH&CN và kinh tế - xã hội được hình thành từ chủ trương của Chính phủ với mục tiêu làm rõ đây còn là một **giải pháp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội** trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa .

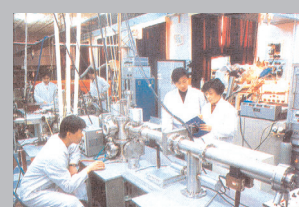
### Thế nào là KH&CN viện, trường? Thế nào là KH&CN doanh nghiệp?

Về phương diện khoa học, viện, trường và doanh nghiệp đều có thể tiến hành cả ba loại nghiên cứu, nhưng thế mạnh của viện, trường là **tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học** tức là Nghiên cứu lý thuyết và Nghiên cứu triển khai hay KH&CN viện, trường; còn thế mạnh của doanh nghiệp là **tổ chức thực hiện chuyển giao và nghiên cứu công nghệ**, tức là Nghiên cứu sản xuất hay KH&CN doanh nghiệp. Ba thuật ngữ “KH&CN trực tiếp sản xuất”, “KH&CN doanh nghiệp” và “Nghiên cứu sản xuất” đều có nội dung tương đương với thuật ngữ **“Nghiên cứu công nghệ”**, nhưng sử dụng thuật ngữ “KH&CN trực tiếp sản xuất” là có ý nhấn mạnh khía cạnh nhiệm



Ảnh trái: Máy gia tốc hạt có giá khoảng 6 tỷ USD và vệ tinh thám hiểm sao Hỏa.

Ảnh phải: Thử nghiệm sản phẩm



*Ngày trước, khi bàn về công tác giáo dục trong trường Đại học, phải đến cuối buổi họp, G.S Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp Tạ Quang Bửu mới phát biểu cho rằng, yếu tố cần chú trọng, đó chính là “Trung thực”, bởi đây cũng là một đặc trưng của nghiên cứu khoa học. Ngày nay, trong bối cảnh mới, nhiều thầy giáo thấy cần phải bổ sung thêm ý kiến của Giáo sư Bộ trưởng, ví dụ: trước hết phải “Thực tiễn”, ngoài ra còn “Phối hợp”, “Chủ động”, “Kịp thời” ..., bởi đây là các đặc trưng của nghiên cứu công nghệ.*

vụ của khoa học với sản xuất. Khi sử dụng thuật ngữ “KH&CN doanh nghiệp” là có ý nhấn mạnh khía cạnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ này, còn khi dùng thuật ngữ “Nghiên cứu sản xuất” là có ý nhấn mạnh ý nghĩa khoa học của công việc.

Đây cũng chính là lý do vì sao trong hai CTHĐ của Chính phủ không viết “Tập trung phát triển nghiên cứu công nghệ” hay “Nghiên cứu sản xuất” mà là “*Tập trung phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất (KH&CN doanh nghiệp...)*”. Tương tự như vậy với nhóm thuật ngữ “KH&CN gián tiếp sản xuất”, “KH&CN viện, trường”, “Nghiên cứu lý thuyết, Nghiên cứu triển khai” và “Nghiên cứu khoa học”.

Trước kia, chỉ các siêu cường như Mỹ, Liên Xô mới có đủ tiềm lực tập trung cả ba loại nghiên cứu. Những nước phát triển như Đức, Pháp...do tiềm lực có mức độ nên chỉ đủ sức tập trung cho hai loại nghiên cứu là Nghiên cứu triển khai và Nghiên cứu sản xuất. Theo tư duy này, những nước đang phát triển thường khởi nghiệp trước hết từ việc tập trung cho Nghiên cứu sản xuất, tiếp theo tùy vào tiềm lực kinh tế - xã hội mà tiếp tục tập trung phát triển Nghiên cứu triển khai như Hàn Quốc hoặc cả Nghiên cứu triển khai và Nghiên cứu lý thuyết như Trung Quốc.

#### **Tập trung phục vụ Nghiên cứu công nghệ Mục tiêu và cơ hội đổi mới cho các viện, trường**

Tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh hội nhập quốc tế gắn liền với xu thế phát triển kinh tế tri thức đòi hỏi việc nghiên cứu và đào tạo của các viện nghiên cứu, các trường đại học phải *đạt hiệu quả cả trên bình diện xã hội và kinh tế*. Nhằm đáp ứng nhu cầu này, về phương diện quản lý nhà nước, cần thúc đẩy việc ban hành các chính sách trong lĩnh vực KH&CN và đào tạo từ chương trình, đề tài, dự án đến các công tác khác theo hướng Nhà nước có trách nhiệm



*Sau 700 năm hoạt động, năm 1969, Trường Đại học Cambridge danh tiếng đã trở thành Công ty Đại học.*



*tạo điều kiện cho xã hội làm và chỉ trực tiếp làm những gì mà xã hội không làm. Đây là điều cần thiết không chỉ trong bối cảnh còn giới hạn về nguồn lực.*

Tiếp theo, nếu như trong nền kinh tế thời chiến và hậu chiến, các viện, trường đã có những đóng góp to lớn trực tiếp cũng như đã đào tạo nhiều lớp cán bộ ưu tú phục vụ trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước thì giờ đây lại xuất hiện tình trạng đào tạo không đáp ứng nhu cầu sản xuất. Nguyên nhân chủ yếu là tính mục tiêu như: Đào tạo ai? Ai đào tạo? Đào tạo gì?... chưa được chú ý đúng mức. Vì thế, đến nay, mục tiêu đào tạo của các trường đại học vẫn giữ như trước, nghĩa là *chỉ chú trọng đào tạo để phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc kỹ thuật chứ chưa chú trọng đào tạo để phục vụ nghiên cứu công nghệ*. Phải xác định, việc làm rõ mục tiêu đào tạo trong giai đoạn hiện nay chính là *điểm khởi đầu tiến trình đổi mới toàn diện trong các viện, trường*. Tiếp theo, nếu coi việc giáo dục người và đào tạo *nghề* là có mối liên hệ chặt chẽ thì sẽ thấy vẫn còn những vấn đề về mục tiêu cần tiếp tục làm rõ. Đó là: *Giáo dục gì trong đào tạo? và Đào tạo gì trong giáo dục? Chú trọng phục vụ nghiên cứu công nghệ gì ? .v.v...* Nếu những vấn đề này được giải quyết triệt để sẽ có những đóng góp giá trị cho phát triển kinh tế - xã hội các vùng KTTĐ, ví dụ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sản xuất các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm ưu tiên trong vùng .v.v...

Việc nhìn nhận: Thế nào là khoa học (KH&CN) theo quan điểm mới



### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...



*Sau 50 năm nỗ lực, hiện nay Trường Đại học Bách khoa Hà Nội là một trong các trường đại học kỹ thuật **hướng về công nghệ hàng đầu của Việt Nam.***

Ảnh: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (1956 - 2006)

cũng như những vấn đề vừa nêu trên, sẽ dẫn đến về mặt tổ chức, cần xem xét thống nhất công tác quản lý nhà nước giữa hai lĩnh vực KH&CN và đào tạo hiện vẫn dàn trải ở quá nhiều Bộ, ngành, cơ quan. Đồng thời, cũng cần xem xét việc hạn chế việc mở thêm quá nhiều trường theo hướng đào tạo để phục vụ nghiên cứu khoa học như trước đây.

Đối với các viện, trường, để thực hiện tiến trình đổi mới, phải chú trọng phối hợp với các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp tiến hành từ việc lựa chọn người điều hành có kinh nghiệm và có khả năng áp dụng các phương thức sản xuất, thị trường đến việc cùng xây dựng các chính sách hỗ trợ cho việc phối hợp, thậm chí tiến tới nhất thể hóa giữa các doanh nghiệp với các trường đại học. Cần thiết phải xây dựng các cơ chế tạo thuận lợi cho việc hình thành và hoạt động của các trường đại học thuộc các doanh nghiệp, các tập đoàn.

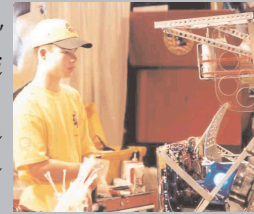
Để tiến trình đổi mới của các viện, trường thực sự có hiệu quả nhiều chính sách phù hợp với xu thế này như Nghị định 115 đã được ban hành. Những chính sách này không những đã tạo vị thế cho các tổ chức, các nhà khoa học mà còn tạo cơ sở cho KH&CN doanh nghiệp phát triển. Để những chính sách như vậy sớm đi vào thực tiễn, cần chú trọng các biện pháp hỗ trợ cụ thể, từ việc thay đổi cơ chế đến cơ sở vật chất, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức KH&CN tiến hành đổi mới toàn diện.

## Xã hội hóa KH&CN - thực chất là phát triển Môi trường KH&CN

Ngày nay, việc các hoạt động KH&CN ngày càng mang tính xã hội đã trở nên một xu thế tất yếu, vì thế một trong những công việc cần được chú trọng hàng đầu là hình thành một môi trường xã hội mà trong đó KH&CN có thể nhanh chóng phát triển. Cần xác định việc hình thành môi trường KH&CN hay xã hội hóa KH&CN không đơn giản chỉ là việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của một số tổ chức KH&CN Nhà nước hay việc tạo thuận lợi trong việc tự thành lập các tổ chức KH&CN mà là một *tiến trình phát triển kinh tế- xã hội trong đó công tác quản lý nhà nước có vai trò hết sức quan trọng*. Trong điều kiện Việt Nam, việc tập trung phát triển KH&CN doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế được coi như vị trí trung tâm trong tiến trình xã hội hóa KH&CN.



- "Thụy Điển đòi hỏi học sinh ngay từ cấp 3 đã phải dành 15% thời gian để làm việc tại công sở.
- "Australia thiết lập chế độ "Học sinh học nghề" cho phép học sinh lớp 11 và 12 kết hợp việc học với công việc thực tế.
- "Mỹ và Đan Mạch lại có mô hình "Doanh nghiệp nhà trường", trong đó học sinh được tham gia sản xuất và dịch vụ.



Ảnh: Học sinh nước ngoài làm quen với sản xuất và kỹ thuật.

## Chọn trình tự “Công nghệ, Khoa học và Đào tạo” thay vì “Khoa học và Công nghệ”

Sẽ khởi đầu cho việc thực hiện chủ trương của Chính phủ: “... *đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất*” như thế nào?



Ảnh: Trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ

Nếu xuất phát từ khái niệm Chu trình thuận trong phát triển khoa học và kinh tế, sẽ thấy việc lựa chọn lĩnh vực “Khoa học và Công nghệ” là hợp lý. Tuy nhiên, nếu xuất phát từ khái niệm Chu trình nghịch hay căn cứ vào mục tiêu hàng đầu của Việt Nam là *tập trung phát triển nền kinh tế sản xuất hàng hóa có tính cạnh tranh thì yếu tố công nghệ lại phải được đặt lên hàng đầu.*

Muốn vậy, trước đó phải hình thành được nguồn nhân lực phục vụ cho công nghệ. Điều này cũng có nghĩa là công tác giáo dục và đào tạo phải hướng tới mục tiêu “*Làm và học*” thay vì chỉ “*Học*”. Nếu thế, phải chăng sẽ hợp lý hơn khi chọn lĩnh vực quản lý nhà nước là “*Công nghệ, Khoa học và Đào tạo*” thay vì “*Khoa học và Công nghệ*”? Làm vậy không những xác định rõ mục tiêu cho công tác đào tạo và KH&CN mà còn cả cho công tác giáo dục. Đây cũng là cơ sở quan trọng cho việc đổi mới toàn diện trong lĩnh vực KH&CN, đào tạo và giáo dục, bởi việc xác định được mục tiêu một cách minh bạch sẽ là sợi chỉ xuyên suốt và là cơ sở để các hoạt động có hiệu quả.

### Ai sẽ là chủ thể của KH&CN?

Cách đây gần 20 năm, khi còn phụ trách lĩnh vực KH&CN, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã lo lắng: “Khoa học Việt Nam còn xa mới trở thành động lực phát triển kinh tế”. Từ đó đến nay, dù đã rất nhiều nỗ lực, hai cụm từ “quốc sách” và “còn xa” vẫn song hành gắn kết và giờ đây lại thêm nỗi lo sẽ “xa hơn”, thậm chí “xa mãi”. Nguyên nhân trước hết của tình trạng này chính ở chỗ, đến nay vẫn chưa làm rõ được vấn đề: Cái gì là “*động lực của động lực*”? Hay cụ thể hơn: Ai sẽ là chủ thể của KH&CN?

Đó là khát vọng, hoài bão, nhiệt tình của các nhà khoa học, tài chính hay vai trò quản lý tập trung của Nhà nước?

Giờ đây, với chủ trương “*Tập trung phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất (KH&CN doanh nghiệp...)*” trong hai Chương trình hành động của Chính phủ, đã tìm thấy câu trả lời cho vấn đề rất quan trọng này. Đó là: Chủ thể chính của KH&CN chính là các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất. Đây chính là cách trình bày cụ thể điều mà Marx đã khẳng định: “Chính sản xuất đã thúc đẩy khoa học còn hơn gấp mười lần các trường đại học”.

### Đánh giá tiềm lực KH&CN theo cách nhìn mới

Bên cạnh số lượng và tầng bậc của học hàm, học vị, cũng cần hình



Ảnh : Lễ tốt nghiệp và lưu học sinh của trường Đại học Bách khoa Hà Nội.



*Trong xu thế toàn cầu hóa, vì lợi ích trăm năm trồng người, phải chăng dưới đây là mục tiêu đào tạo và một số môn học cho con người của hiện tại và tương lai?*

- **Có tư duy mạch lạc:** Hiểu biết logic học, số học, phương pháp dự đoán, tư duy linh hoạt, ...
- **Có tri thức về xã hội:** Vai trò của cộng đồng, tổ chức, pháp luật, tâm lý học, văn hóa nhân loại, dân số học...
- **Có tri thức về môi trường:** Vật lý, thiên văn, địa chất và địa lý...
- **Có kỹ năng biểu đạt:** Nói chuyện, diễn thuyết, hội họa, nhiếp ảnh, quay phim, ngữ pháp, tu từ...
- **Biết sử dụng thông tin:** Lấy và sử dụng thông tin từ thư viện, sách tham khảo, bộ nhớ máy tính, các tài liệu kinh doanh, cơ cấu chính phủ...
- **Năng lực cá nhân:** Tinh thần đồng đội, khả năng phối hợp, mưu sinh và tự vệ, phương pháp học tối ưu, sách lược, cách nhớ, tâm linh...



### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...

---

thành những cách nhìn mới trong việc đánh giá tiềm lực KH&CN của từng đơn vị, địa phương. Ví dụ: Nếu trước đây các tỉnh phía Bắc vẫn được cho là có thế mạnh về KH&CN còn các tỉnh phía Nam có thế mạnh về sản xuất, kinh doanh, thì nay có cơ sở để khẳng định rằng cả hai miền đất nước đều có thế mạnh về KH&CN nhưng miền Bắc có thế mạnh về KH&CN viện, trường hay nghiên cứu khoa học, còn miền Nam có thế mạnh về KH&CN trực tiếp sản xuất hay nghiên cứu công nghệ .

#### Cách gắn kết tốt nhất là tự gắn kết

Ngoài ra, tập trung phát triển KH&CN doanh nghiệp còn giúp tìm lời giải bài toán “gắn kết” giữa khoa học với sản xuất, bởi dù đã hết sức nỗ lực, phong trào “Ba cùng” (“cùng ăn, cùng ở, cùng làm”) của viện, trường phục vụ sản xuất, thực chất vẫn không có kết quả như mong muốn. Nếu để ý, KH&CN doanh nghiệp hay nghiên cứu công nghệ chính là phần giao thoa giữa KH&CN và sản xuất (tức vừa là khoa học vừa là lực lượng sản xuất trực tiếp), thì sẽ không quá lo lắng “gắn kết” viện, trường hay Nhà nước với sản xuất mà ngược lại, chính doanh nghiệp thông qua KH&CN doanh nghiệp sẽ tự tìm kiếm công nghệ, kể cả lựa chọn và đặt hàng cho viện, trường.



Ảnh : Tre ở Yên Tử

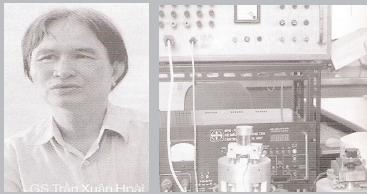




## Chủ động tái tạo và xây dựng mới tổ chức KH&CN cần được coi là nhiệm vụ hàng đầu

Trên cơ sở các nhiệm vụ KH&CN trong các Chương trình hành động của Chính phủ, có thể thấy nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý KH&CN trong các vùng chính KTTĐ chính là *hình thành và phát triển môi trường KH&CN mới*, mà trước hết là *môi trường KH&CN trực tiếp sản xuất* thay vì tham gia trực tiếp vào các hoạt động KH&CN. Nếu như sợi chỉ đỏ xuyên suốt chính là không ngừng nhanh chóng giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, thì sẽ thấy, có ba vấn đề cơ bản phải được xem xét ưu tiên khi xây dựng cơ cấu tổ chức KH&CN mới và đa dạng. Đó là “*hiệu quả*”, “*phối hợp*” và “*cạnh tranh*”.

Ngày nay, các mô hình duy trì lợi thế bằng quy mô hoặc nhân công rẻ đang được thay thế bằng cấu trúc tổ chức kiểu hệ thống mạng nối kết.



Ảnh: Giáo sư Viện trưởng và kính hiển vi quét đầu dò.  
(Tia Sáng, số 9 tháng 5/2006)

Gần đây, khi có Nghị định 115, ước mơ thành lập một doanh nghiệp spin-off của Giáo sư Viện trưởng Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học, có khả năng thành hiện thực và được hy vọng sẽ mở đường cho hàng loạt doanh nghiệp tương tự. Nhưng theo Giáo sư, hiện tại Việt Nam chỉ có đủ khả năng thành lập: “Năm, cùng lắm là mười doanh nghiệp spin-off”.

Doanh nghiệp spin-off được thành lập dựa trên kết quả nghiên cứu của viện nghiên cứu, trường đại học, được điều hành bởi chính nhà phát kiến ra công nghệ cao và là một bộ phận hữu cơ của viện, trường. Đây cũng chính là một trong các hình ảnh biểu hiện khả năng tiến hành hoạt động Nghiên cứu sản xuất của các viện, trường.

Trong các kết quả của Nghiên cứu công nghệ, có một chỉ tiêu rất quan trọng, đó là **giá thành sản phẩm**. Ngược lại, đây không phải là chỉ tiêu hàng đầu trong các Nghiên cứu khoa học. Vì thế, một trong những tiêu chí hoạt động cho các nghiên cứu viên đang tiến hành Nghiên cứu công nghệ là cần phải có những kiến thức về tự hạch toán...

### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...

Thuật ngữ “tổ chức kiểu hệ thống mạng nối kết” là để chỉ sự phối hợp giữa nhiều tổ chức, nhiều cá nhân với nhau theo nguyên tắc: Mạng thì to ra nhưng tổ chức thì nhỏ lại. Sẽ không có chỉ huy theo cách hiểu “tầng bậc” thông thường. Để mạng hoạt động mạnh mẽ, *mỗi tổ chức, mỗi cá nhân đều phải tự xác định mình vừa là thành viên, vừa là trung tâm của hệ thống.* Đây được xem là cấu trúc tổ chức của phát triển.



Ảnh: Hồ Ba Bể

Hàn Phi viết: “... Mặc Tử làm con diều bằng gỗ, mất ba năm mới xong. Diều bay được một ngày thì hỏng. Học trò của ông ta nói: “Thầy giỏi đến nỗi có thể khiến con diều bằng gỗ bay được”. Mặc Tử nói: “ Ta không giỏi bằng người làm trục xe, làm không mất buổi sáng mà có thể chở ba mươi thạch đi xa, sức chở lớn, đi được nhiều năm.” (Hàn Phi – nhà triết học và lý luận chính trị thời cổ đại, người đã được Tần Thủy Hoàng, vị hoàng đế đầu tiên thống nhất đất nước Trung Quốc trân trọng: “ Được nói chuyện với con người này, có chết cũng không tiếc”).

Lời bàn: Cách đây hơn 2000 năm, cả Hàn Phi – nhà triết học, nhà lý luận và Mặc Tử - người đã nghiên cứu và làm ra một sản phẩm thử nghiệm vì thế có thể gọi là người làm Nghiên cứu khoa học - Nghiên cứu triển khai, đều đã sớm đánh giá cao vai trò Nghiên cứu công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội.

### **Phát triển Môi trường KH&CN - Môi trường xã hội trong đó mọi người đều hiểu khoa học và tôn trọng công nghệ - Cơ sở hàng đầu cho việc xây dựng một nền Văn hóa mới.**

Nếu trước đây đặc trưng chủ yếu của kinh tế thị trường là cạnh tranh thì ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, nền kinh tế thị trường có hai đặc trưng. Đó là cạnh tranh và phối hợp, trong đó phối hợp là chủ yếu. Theo cách nhìn này, có thể mô tả xu thế toàn cầu hoá về cơ bản đang là một “*dòng thác về phối hợp*”. Nói như thế bởi giờ đây, để tồn tại và phát triển phải biết *liên kết, hợp tác và phối hợp hành động*. Vì thế, có thể



Ảnh: Chiến thắng Điện Biên Phủ

*Thời đại Độc lập đã phát triển rực rỡ trong nửa sau thế kỷ hai mươi với một trong các tên tuổi tiêu biểu là Hồ Chí Minh. Vào thời gian này, trong các nước thuộc địa đang sôi sục “dòng thác đòi độc lập”.*



Ảnh: Đón chào đoàn quân giải phóng 1975

*Dù tiến bộ trong xuất khẩu, Việt Nam vẫn nhập siêu và chỉ hơn 10% lao động có việc làm được làm việc trong lĩnh vực công nghiệp.*



Ảnh: Công nhân Việt Nam và chuyên gia Nga ở công trường sông Đà

nói, đã xuất hiện một thời đại mới - Thời đại của Phối hợp.

Ngoài ra, trong quá trình hội nhập quốc tế gắn liền với xu thế phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức, nếu không muốn tụt hậu, mỗi nước đang phát triển cần *gấp rút xây dựng* cho mình một *môi trường KH&CN* - một môi trường xã hội mà ở đó KH&CN có điều kiện phát triển. Nói một cách giản đơn hơn, đó là một môi trường xã hội mà ở đó mọi người đều hiểu khoa học và tôn trọng công nghệ. Điều này không chỉ có ý nghĩa với sự phát triển KH&CN mà còn là ***cơ sở hàng đầu cho việc xây dựng một nền văn hóa mới.***



*Ngay từ bây giờ, Việt Nam phải chuẩn bị đón nhận những cơ hội và thách thức còn mạnh hơn cả WTO. Đó là FTA (Free Trade Agreement) mà bản chất là hợp tác với Trung Quốc và Ấn Độ.*

(Ảnh: Cơ sở hạ tầng và tên lửa Thần Châu 6 của Trung Quốc rời bệ phóng).



### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...



Ảnh trái: Một hình ảnh quen thuộc trong nông nghiệp Việt Nam.



Ảnh phải: Tượng Tam Đa

*Văn hóa truyền thống về cơ bản vẫn mang đặc trưng của nền kinh tế tiểu nông, mà tiêu biểu là: cộng đồng làng xóm và đa tôn giáo. Trong một ngôi chùa ở Việt Nam có thể có nhiều loại tượng của nhiều tôn giáo khác nhau và gần như người Việt Nam nào cũng thờ cúng tổ tiên. Quan niệm mục tiêu cuộc sống hài hòa, từ Ngũ Phúc: Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh đến gọn lại là Tam Đa: Phúc, Lộc, Thọ và sau cùng khái quát là Phúc, có vị trí không nhỏ trong cuộc sống tinh thần của người Việt Nam.*

Có thể phân chia dòng chảy văn hóa dân tộc thành ba phần đan xen phát triển với những đặc trưng riêng biệt. Đó là: Văn hóa truyền thống; Văn hóa kháng chiến (Văn hóa của giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược) và Văn hóa mới hay Văn hóa thời đại. Nói Văn hóa thời đại bởi nền Văn hóa mới trước hết phải mang những đặc trưng phát triển của thời đại, đó là: Phối hợp và Thay đổi. Có thể hiểu đơn giản “*Phối hợp*” chính là sự phát triển của “*Đoàn kết*” trong xu thế toàn cầu hóa, còn “*Thay đổi*” có nghĩa trước hết là **tự thay đổi** và hình thành

Ảnh: Bác Hồ và Thường vụ Trung ương Đảng họp bàn mở chiến dịch Biên giới



Ảnh : Chỉ huy và binh lính Pháp bị bắt trong chiến dịch Biên giới.



*các quan điểm mới, tiếp theo là xây dựng các cấu trúc tổ chức mới. Về phương diện văn hóa, thời kỳ hiện tại được xác định là thời kỳ quá độ giữa Văn hóa kháng chiến và Văn hóa mới. Tóm lại, có thể nói: Ngày nay, “Một nền văn hóa tiên tiến, mang đậm đà bản sắc dân tộc” theo quan điểm của Đảng, chính là một nền Văn hóa mới của Việt Nam được xây dựng trên ba nền tảng cơ bản hay là kết quả của sự nhất thể hóa giữa Văn hóa truyền thống, Văn hóa kháng chiến và Môi trường KH&CN.*



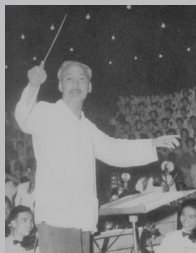
*Khó mà hội nhập toàn cầu hóa chỉ với riêng kinh tế và khoa học  
Ảnh: Cô dâu đang cùng bạn bè hát một bài hát nước ngoài ca ngợi tình yêu cuộc sống.*

Vì thế, việc nghiên cứu, xác định, xây dựng và phát triển một nền Văn hóa mới, chính là kế sách trước mắt và lâu dài để **thực hiện toàn diện** chủ trương chiến lược :*“Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh ”* của Đảng và Nhà nước không chỉ trong các vùng KTTĐ mà cả đất nước, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây là một nhiệm vụ quan



Ảnh: Máy bay B52 cháy trên bầu trời Hà Nội; bộ đội đặc công trước giờ tiến đánh Sài gòn, cuốn sách “Mãi mãi tuổi hai mươi” và trở về với Mẹ.





Ảnh: Bác Hồ với bài “Kết đoàn”

**Người không chỉ tiêu biểu cho một nền văn hóa đương thời** “*Không tử, Giêsu, Karl Mark, Tôn Dật Tiên chẳng đã có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội,... Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy*”. (Hồ Chí Minh)

*Phải chăng chính việc “...Tôi cố gắng làm” và “...Người học trò nhỏ của các vị ấy” đã làm nhà báo Mandestam khi gặp Bác Hồ vào năm 1923 đã có một nhận xét rất tinh tế: “Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa,...có lẽ đó là một nền văn hóa tương lai. Qua Nguyễn Ái Quốc tôi thấy được ngày mai, thấy được viễn cảnh trời yên biển lặng của tình hữu ái toàn thế giới bao la như đại dương”.*

trọng hàng đầu cho khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, và về phương diện khoa học, cũng là một ví dụ về sự nhất thể hóa giữa hai lĩnh vực khoa học này.

Như vậy, có hai yếu tố mà một đất nước đang phát triển có khát vọng nhanh chóng vươn lên cần phải chú trọng trước hết. Đó là **“Phối hợp” và “Môi trường KH&CN”**. Để có thể tiếp thu, hình thành, phát triển và ứng dụng những yếu tố mới này, một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu là cần phát triển các tổ chức được hoạt động như một “đặc khu KH&CN và kinh tế” trong các vùng KTTĐ.



Ảnh: Tổng thống Nga V.Putin và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết

*Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại đã góp phần vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong cuộc kháng chiến 30 năm thống nhất đất nước, nhân dân Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ to lớn cả về vật chất và tinh thần của nhân dân Nga Xô-Việt.*

*(Từ năm 1996, ngày 7/11 – Ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã trở thành Ngày Hòa hợp và Đoàn kết dân tộc và đến năm 2005 còn gắn với Ngày Thống nhất dân tộc 4/11).*



Ảnh: Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tiếp và hội kiến Tổng thống G.W. Bush tại Văn phòng Trung ương Đảng.

*“Một đất nước tuyệt vời, một tương lai tươi sáng” và “Mỹ là bạn và đối tác tốt cho Việt Nam”, đó là quan điểm của Tổng thống Mỹ Bush và phu nhân trong chuyến thăm Việt Nam vừa qua, thông qua lời phát biểu của bà Ngoại trưởng Mỹ Rice.*

*Những diễn biến trên thế giới đã góp phần làm Tổng thống Bush phải điều chỉnh để Mỹ đóng vai trò nhà bảo trợ lớn và cùng các quốc gia khác giải quyết các điểm nóng trên thế giới thay vì tìm cách áp đặt quan điểm chủ quan của mình. Hy vọng tới đây Mỹ sẽ là bạn hàng lớn nhất của Việt Nam.*

### **Các Bộ ngành và các tỉnh, thành trong Vùng KTTĐ phối hợp triển khai các nhiệm vụ KH&CN trong hai CTHĐ của Chính phủ**

Các chủ trương trong hai CTHĐ của Chính phủ đã thực sự mở ra một giai đoạn phát triển mới cho các hoạt động KH&CN trong các vùng KTTĐ. Trên tinh thần này, các thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... và các tỉnh: Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh... đã cùng các Bộ, ngành tiến hành những đề án cụ thể nhằm sớm đưa chủ trương của Chính phủ vào thực tiễn cuộc sống.

Ảnh: Vùng biển Hạ Long



### Phần III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM ...

Tháng 6/2006, sau khi làm việc với các chuyên gia của Chương trình “Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế và công nghệ vùng duyên hải Việt Nam” thuộc Văn phòng Phối hợp Phát triển Môi trường KH&CN, UBND tỉnh Quảng Ninh đã cùng các Tổng Công ty Đóng tàu Việt Nam, Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Thép Việt Nam đồng trình Thủ tướng phương án triển khai tổ hợp công nghiệp- dịch vụ- cảng biển tại phía Đông Bắc Quảng Ninh. Đây là một dự án có ý nghĩa quan trọng không chỉ với tỉnh Quảng Ninh mà còn cả với vùng KTTĐ Bắc Bộ. Vì thế, sau khi họp với các đơn vị trên và trực tiếp xuống khảo sát khu vực, ngày 11/8/2006, tại Thông báo số 124/ TB- VPCP, Thủ tướng đã cho phép tiến hành triển khai tổ hợp công nghiệp - dịch vụ - cảng biển tại phía Đông Bắc Quảng Ninh. Hiện nay các đơn vị của các Tổng Công ty trên, UBND tỉnh Quảng Ninh và Bộ KH&CN đang tiến hành việc phối hợp chuẩn bị triển khai nhiệm vụ.

Trên cơ sở chủ trương phối hợp giữa Bộ KH&CN và UBND tỉnh Vĩnh

*Nhằm đáp ứng các nhu cầu sản xuất trong tỉnh và trong vùng KTTĐ, khu công nghệ do Sở KH&CN Đông Nai tổ chức thực hiện dự kiến sẽ là khu công nghệ cấp vùng với quy mô 400 ha trên địa bàn hai huyện Nhơn Trạch và Long Thành tỉnh Đồng Nai.*

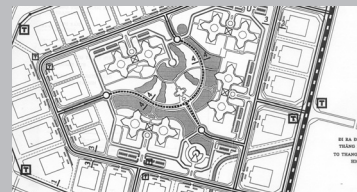
*Khu công nghệ Hà Nội do Sở KH&CN Hà Nội tổ chức thực hiện có quy mô khoảng 100 ha nhằm phục vụ các nhu cầu sản xuất cho công nghiệp Thủ đô.*

*Định hướng tập trung phát triển công nghệ của Chính phủ đã thực sự tạo đà cho việc xây dựng và phát triển các khu công nghệ này.*



Bộ KH&CN ký hợp tác triển khai Khu CNC Hòa Lạc với đối tác Nhật Bản.

(Ảnh báo tháng 11/2006)  
Sơ đồ khu công nghệ Hà Nội



Phúc nhằm khẩn trương triển khai Quyết định số 145/QĐ - TTg/2004 ngày 13/8/2004 và CTHĐ của Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 191/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 17/8/2006, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có công văn đề nghị các đơn vị của Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các đơn vị của tỉnh triển khai nghiên cứu xây dựng Khu Công nghệ cấp vùng và Trung tâm Đào tạo nghề cho vùng KTTĐ phía Bắc đặt tại Vĩnh Phúc.

Để có thể phục vụ trực tiếp, hiệu quả công cuộc phát triển đột phá kinh tế - xã hội và KH&CN trong các vùng KTTĐ, công tác lý luận cần đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề mang tính toàn cục, tính chiến lược và tính dự báo trong lĩnh vực KH&CN. Muốn vậy, trên tinh thần kế thừa và phát triển, cần chú trọng không ngừng nghiên cứu những vấn đề mới, tình hình mới thông qua việc **cùng triển khai** để có thể kịp thời đúc kết, khái quát những kinh nghiệm từ thực tiễn, nâng lên thành lý luận, sau đó lại hướng dẫn thực tiễn, tiếp tục không ngừng quá trình đột phá và đổi mới về lý luận KH&CN.



Ảnh: Bác Hồ tặng huy hiệu cho các chiến sỹ ở Điện Biên Phủ.

*Tháng 9/1945, khi Chính quyền Cách mạng còn trứng nước, với nhãn quan một lãnh tụ thiên tài, Bác Hồ đã xác định **mục tiêu và giải pháp** để đất nước Việt Nam phát triển. Đó là: “ Dân tộc Việt Nam có được **sánh vai với các cường quốc năm châu** hay không, chính là phần lớn nhờ ở **công học tập của các cháu.**”*

*Những cuộc chiến kéo dài đã làm phần lớn thế hệ các cháu thiếu nhi lúc đó đều đã trở thành những chiến sỹ quyết tử cho tổ quốc quyết sinh và nhiệm vụ năm xưa đã mặc nhiên chuyển cho thế hệ hôm nay.*



Hoa lộc vùng



# PHẦN PHỤ LỤC

## Phụ lục 1

### Chủ trương và nhiệm vụ của Chính phủ cho công tác phát triển KH&CN trong Vùng Đông Nam Bộ và Vùng KTTĐ phía Nam

(Trích Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh Vùng Đông Nam Bộ và Vùng KTTĐ phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 29/5/2006)

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: 123/2006/QĐ-TTg  
Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**  
Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**


**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính Quốc gia;
- VPCP, BTNC, TTNC, các FCN, BNC, KFTN, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo.
- Lưu: Văn thư, DP (5). A.220

**THỦ TƯỚNG**  
  
Phan Văn Khải



h) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng:

- Tập trung phát triển khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất, trong đó đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất; phát huy tiềm năng khoa học cơ bản, nghiên cứu triển khai phục vụ sản xuất.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư nước ngoài phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất và hạ tầng kỹ thuật khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất, khuyến khích đổi mới công nghệ và sử dụng công nghệ hiện đại. Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách gắn kết các hoạt động của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia với hoạt động của các khu công nghệ.

- Lập quy hoạch xây dựng phát triển và sớm đưa vào hoạt động các khu công nghệ (còn gọi là các khu sinh đường công nghiệp, khu ươm tạo công nghệ, khu ươm tạo doanh nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao...) cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia để góp phần phát triển hệ thống hạ tầng khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất.

- Xây dựng và sớm đưa vào hoạt động một số trường, trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao, trường đại học đa năng chất lượng cao theo mô hình gần đảo tạo với các hoạt động sản xuất của các nhà máy, góp phần phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất.



## Phụ lục 2

### Chủ trương và nhiệm vụ của Chính phủ cho công tác phát triển KH&CN trong Vùng Đồng bằng sông Hồng

(Trích Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh Vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 191/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 17/8/2006)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: 191/2006/QĐ-TTg Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2006

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng, gồm 12 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

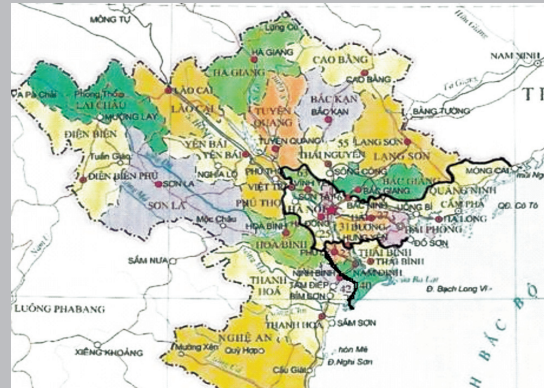
#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HQND, UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính Quốc gia;
- VPCP, BTCTN, các PCN;
- Website Chính phủ, Ban điều hành 112.

#### THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



8. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan nghiên cứu, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về:

- Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ trực tiếp sản xuất (khoa học công nghệ doanh nghiệp và cơ sở sản xuất); trong đó, tập trung lập quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khoa học và công nghệ trực tiếp sản xuất. Xác định rõ các chương trình, dự án then chốt, các giải pháp cụ thể. Cần có bước đi với các nhiệm vụ cụ thể giúp các ngành chức năng, các địa phương liên quan tổ chức thực hiện theo lộ trình để khoa học và công nghệ nhanh chóng phát triển trở thành lực lượng trực tiếp sản xuất.

- Tổ chức xây dựng và sớm đưa vào hoạt động các khu công nghệ cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia (còn gọi là các "khu sinh đường" công nghệ, khu ươm tạo công nghệ, khu ươm tạo doanh nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ cao...) trở thành trụ cột của hệ thống hạ tầng kỹ thuật khoa học và công nghệ trực tiếp sản xuất.

- Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển khoa học công nghệ; trong đó, có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các khu công nghệ, sản phẩm công nghệ, đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Đặc biệt, ưu tiên khuyến khích các doanh nghiệp phát triển khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất.

- Xây dựng chương trình đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao và hệ thống các trường, trung tâm đào tạo cán bộ công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ trong Vùng.

## Phụ lục 3

### Phối hợp triển khai các chủ trương và nhiệm vụ của Chính phủ cho công tác phát triển KH&CN trong các Vùng KTTĐ

(Trích công văn của Bộ Khoa học và Công nghệ số 3210/BKHCN - VPPH ngày 28/11/2006 về việc đề nghị 21 tỉnh, thành phố và 22 Bộ, ngành phối hợp triển khai các nhiệm vụ KH&CN trong hai CTHĐ của Chính phủ cho các vùng KTTĐ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3210 /BKHCN-VPPH

V/v: Phối hợp triển khai Chương trình Hành động của Chính phủ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2006

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3210 /BKHCN-VPPH

V/v: Phối hợp triển khai Chương trình Hành động của Chính phủ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2006

Kính gửi: Chủ tịch UBND Tỉnh/Thành phố .....

Để thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng cho các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ), Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 145/2004/QĐ-TTg, 146/2004/QĐ-TTg, và 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004, đặc biệt là các Quyết định 123/2006/QĐ-TTg ngày 29/5/2006 và 191/2006/QĐ-TTg ngày 17/8/2006 kèm theo các Chương trình hành động (CTHD) của Chính phủ. Chủ trương, chính sách phát triển các vùng KTTĐ và chỉ đạo trong hai CTHĐ của Chính phủ chuyển hướng tập trung phát triển công nghệ không những đã mở ra một bước tiến mới trong tiến trình phát triển KH&CN mà còn là một giải pháp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Với nhiệm vụ được Thủ tướng Chính Phủ giao phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong vùng KTTĐ để triển khai các nhiệm vụ KH&CN trong hai CTHĐ, Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý Bộ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng quy hoạch Khu công nghệ cấp tỉnh và phối hợp xây dựng quy hoạch khu công nghệ cấp vùng;
2. Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực xã hội, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để phát triển nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất và hạ tầng KH&CN trực tiếp sản xuất trong đó tiêu biểu là hệ thống khu công nghệ;
3. Xây dựng các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất.  
(Xin gửi kèm tài liệu nghiên cứu "Tập trung phát triển công nghệ - Động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội")

Mọi chi tiết xin đề nghị liên hệ: Văn phòng Phối hợp Phát triển Môi trường Khoa học và Công nghệ, 35 Điện Biên Phủ, Hà Nội. Điện thoại: 04 8 233 821 máy lẻ 273 Fax: 04 8 232 467, Email: dca@dca.gov.vn

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng cảm ơn sự phối hợp và hỗ trợ của Quý Cơ quan.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Phó TTg Thường trực, Trưởng ban Ban Chỉ đạo DPPT các vùng KTTĐ (để b/c),
- Ban Chỉ đạo DPPT các vùng KTTĐ (để b/c)
- Thứ trưởng - Thành viên Ban Chỉ đạo Điều phối phát triển các vùng KTTĐ (để phối hợp)
- Lưu VT, VPPH.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
  
Bùi Mạnh Hải

Nơi nhận:

- Như trên,
- Phó TTg Thường trực, Trưởng ban Ban Chỉ đạo DPPT các vùng KTTĐ (để b/c),
- Ban Chỉ đạo DPPT các vùng KTTĐ (để b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c),
- Phó Chủ tịch UBND - Thành viên Ban Chỉ đạo Điều phối phát triển các vùng KTTĐ (để phối hợp)
- Giám đốc Sở KH&CN (để thực hiện)
- Lưu VT, VPPH.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
  
Bùi Mạnh Hải

## MỤC LỤC

### PHẦN I. CHỦ TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

Nhu cầu cấp bách phải có bước đột phá trong phát triển kinh tế, công nghệ và khoa học	7
Các vùng kinh tế trọng điểm tại Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam - Nơi tập trung các nguồn lực chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội công nghệ và khoa học	9
Các mặt trận kinh tế trong các vùng kinh tế trọng điểm	11
Ban Chỉ đạo Điều phối phát triển các vùng KTTĐ - Cơ quan chỉ đạo phối hợp thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong các vùng KTTĐ	13

### PHẦN II. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC KH&CN TRONG CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

Tập trung đổi mới toàn diện công tác KH&CN trong các vùng KTTĐ, góp phần nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất	17
Xây dựng mới tiềm lực KH&CN bằng việc tập trung phát triển KH&CN trực tiếp sản xuất	18
“ ... Trước hết cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực KH&CN trực tiếp sản xuất ...”	21
“ ... Và xây dựng hạ tầng kỹ thuật khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất ...”	22
Khu công nghệ - Hậu cứ và tiền tuyến của các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất	24
Khu công nghệ cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia	29

### PHẦN III. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

Vai trò và nhiệm vụ của công tác lý luận trong tiến trình đổi mới toàn diện công tác KH&CN	33
Tại sao khoa học hay KH&CN chưa trở thành động lực phát triển kinh tế?	35
Tiên đoán của Karl Marx hay xu thế nhất thể hóa giữa khoa học và sản xuất đang ngày càng mạnh mẽ chính là tiền đề cho việc thay đổi các quan điểm về phát triển KH&CN và kinh tế.	37
Nếu như các nước đi trước khởi đầu quá trình phát triển khoa học và kinh tế theo Chu trình thuận thì các nước đi sau thường khởi đầu theo Chu trình nghịch	39
Thế nào là khoa học hay KH&CN ? hay Phân loại khoa học theo đặc tính sản phẩm nghiên cứu.	41
Thế nào là KH&CN viện, trường? Thế nào là KH&CN doanh nghiệp?	43
Tập trung phục vụ nghiên cứu công nghệ - Mục tiêu và cơ hội đổi mới cho các viện, trường.	44
Xã hội hóa KH&CN - thực chất là hình thành Môi trường KH&CN	47
Chọn trình tự “Công nghệ , Khoa học và Đào tạo ” thay vì “Khoa học và Công nghệ”.	47
Ai sẽ là chủ thể của Khoa học & công nghệ	48
Đánh giá tiềm lực KH&CN theo cách nhìn mới.	49
Cách gắn kết tốt nhất là tự gắn kết.	50
Chủ động tái tạo và xây dựng mới các tổ chức KH&CN cần được coi là nhiệm vụ hàng đầu.	51
Phát triển Môi trường KH&CN - Môi trường xã hội trong đó mọi người đều hiểu khoa học và tôn trọng công nghệ- Cơ sở hàng đầu cho việc xây dựng một nền Văn hóa mới	53
Các Bộ ngành và các tỉnh, thành trong vùng KTTĐ phối hợp triển khai các nhiệm vụ KH&CN trong hai CTHĐ của Chính phủ	57



*Thế nào là "...Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới..."? Có thể minh họa khái niệm này qua truyền thuyết về chim phượng hoàng:*

*Phượng hoàng, con chim thần kỳ chỉ xuất hiện trong ước vọng, theo thời gian cũng già nua, nhưng khi già nó bước vào ngọn lửa hồng và từ tro than bước ra, trẻ trung, rực rỡ và vì thế nó trở nên bất tử.*



## TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ Động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

*(Tài liệu nghiên cứu)*

**Văn phòng Phối hợp Phát triển Môi trường Khoa học và Công nghệ**

35 Điện Biên Phủ - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 04. 8 233 821 - Fax: 04. 8 232 467 - Email: [dca@dca.gov.vn](mailto:dca@dca.gov.vn)